

## LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình viết bài khóa luận em đã nhận được nhiều sự giúp đỡ của thầy cô ngành văn hóa du lịch, các ban ngành, các đơn vị, cơ quan và nhiều cá nhân cùng với các bạn sinh viên đã tạo điều kiện cho em thu thập tài liệu và kiến thức phục vụ bài viết.

Qua bài khóa luận này em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới các thầy cô trong ngành văn hóa du lịch trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, các cán bộ quản lý kho tư liệu, các phòng địa chí thư viện thành phố, các nhân viên phòng văn hóa thể thao, phòng kinh tế UBND thị xã Đồ Sơn, các cán bộ trong ban ngành quản lý các điểm di tích trên địa bàn thị xã Đồ Sơn, ban quản lý vịnh Hạ Long đã dành thời gian giúp đỡ.

Đặc biệt em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới thầy Nguyễn Văn Bính là thầy giáo hướng dẫn trực tiếp em trong quá trình làm bài khóa luận, giúp em hoàn thành tốt nhiệm vụ nhà trường đề ra.

Do giới hạn về mặt thời gian và những điểm hạn chế trong việc phân tích, so sánh, cách nhìn nhận vấn đề chưa được đầy đủ nên bài khóa luận của em vẫn còn những điểm thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô và các bạn để bài khóa luận của em hoàn chỉnh hơn nữa.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

Sinh viên:

Nguyễn Thị Lương

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	1
1.Lý do chọn đề tài .....	1
2.Mục đích của đề tài .....	2
3. Nhiệm vụ của đề tài.....	2
4.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
5.Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài .....	2
6.Phương pháp nghiên cứu.....	2
7.Bố cục của bài khóa luận .....	3
<b>CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI</b> .....	4
1.1. Tín ngưỡng .....	4
1.1.2.khái niệm về tín ngưỡng.....	4
1.1.3.Một số loại hình tín ngưỡng.....	5
1.1.3.1.Tín ngưỡng phồn thực.....	5
1.1.3.2.Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên .....	8
1.1.3.3.Tín ngưỡng sùng bái tổ tiên .....	9
1.1.3.4. Tín ngưỡng nổi bật của cư dân miền biển.....	11
1.2.Lễ hội.....	13
1.2.1.Khái niệm về lễ hội .....	13
1.2.2 Cấu trúc của lễ hội.....	15
1.2.3.Thời gian và không gian của lễ hội.....	17
1.3.Mối quan hệ giữa tín ngưỡng với lễ hội.....	18
1.4.Tín ngưỡng –lễ hội là một nhu cầu văn hóa tinh thần tâm linh của con người	19
1.5.Du lịch .....	20
1.5.1.Tác động của du lịch đến lễ hội .....	20
1.5.2.Tác động của lễ hội đến du lịch .....	23
1.6.Tiểu kết chương I .....	24
<b>CHƯƠNG II. TÍN NGƯỠNG _LỄ HỘI QUA KHẢO SÁT THỰC TẾ CỦA NGƯỜI DÂN VEN BIỂN HẢI PHÒNG- QUẢNG NINH</b> .....	25
2.1.Nhu cầu tín ngưỡng-lễ hội của cư dân ven biển Hải Phòng-Quảng Ninh .....	25
2.2.Những hoạt động tín ngưỡng-lễ hội của ngư dân ven biển Hải Phòng-Quảng Ninh .....	26
2.2.1.Hệ thống đền , miếu ở đảo Hà Nam.....	26
2.2.2.Đền Bà Men .....	29
2.2.3.Lễ hội rước nước .....	30
2.2.4.Đền Bà Đẻ .....	32
2.2.5.Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn .....	34
2.2.6.Lễ hội Đảo Dấu .....	37
2.2.7.Lễ hội làng cá Cát Hải_ Hải Phòng.....	38
2.2.8.Lễ hội đua thuyền rồng .....	40
2.3.Đánh giá chung.....	41

2.3.1.Những mặt tích cực của tín ngưỡng_lễ hội.....	41
2.3.2.Những tồn tại cần khắc phục.....	44
2.4.Tiểu kết chương 2.....	46
<b>CHƯƠNG III.MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM GẮN VĂN HÓA VỚI TÍN NGƯỠNG_LỄ HỘI ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH.....</b>	<b>47</b>
3.1.Quán triệt quan điểm của đảng ta về tôn giáo và tín ngưỡng .....	47
3.2.Những giải pháp chung .....	49
3.2.1.Quan tâm đến du lịch văn hóa tâm linh .....	49
3.2.2.Quảng bá đưa du lịch đến với lễ hội .....	51
3.3.Những giải pháp cụ thể phát triển du lịch tại các điểm di tích .....	51
3.3.1.Việc quy hoạch, tôn tạo phải tuân theo nguyên tắc phát triển bền vững .....	51
3.3.2.Bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa phi vật thể.....	53
3.3.3.Phối hợp với chính quyền địa phương quản lý, đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên. ....	55
3.3.4.Đẩy mạnh công tác quản lý và tăng cường đầu tư vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng .....	57
3.3.5.Tuyên truyền, quảng bá loại hình du lịch tín ngưỡng- lễ hội.....	58
3.3.6.Kết hợp loại hình du lịch tín ngưỡng- lễ hội với các loại hình du lịch khác .	59
3.4.Đề xuất khả năng liên kết du lịch Hải Phòng- Quảng Ninh.....	60
3.5.Tiểu kết chương 3.....	62
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>63</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>64</b>

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1.Lý do chọn đề tài

Ngày nay nền kinh tế ngày càng phát triển, chất lượng cuộc sống của con người được cải thiện, quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh. Để thoát khỏi môi trường sống ngột ngạt, những áp lực đối với công việc, cuộc sống thì xu hướng người dân luôn muốn khám phá, nghiên cứu, tìm đến những giá trị văn hóa tâm linh. Chính vậy loại hình du lịch văn hóa tâm linh đang là một trong những sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn thu hút được nhiều khách du lịch trong và ngoài nước. Đặc biệt là những tín ngưỡng\_ lễ hội của cư dân miền biển Hải Phòng\_ Quảng Ninh.

Hơn thế nữa Hải Phòng\_ Quảng Ninh lại là một vùng đất gắn liền với biển cả bao la, người dân nơi đây từ xa xưa đã xây dựng nên rất nhiều đền, miếu, chùa... họ đã sáng tạo ra nhiều lễ hội độc đáo để gửi gắm ước vọng của mình vào những thế lực siêu nhiên với mong muốn về một cuộc sống tốt đẹp, xuôi chèo mát mái, sóng yên biển lặng. Từ đó đã hình thành nên những tín ngưỡng\_ lễ hội đặc sắc. Những tín ngưỡng\_ lễ hội này mang một giá trị văn hóa lịch sử phản ánh đậm nét đời sống tinh thần của cư dân miền biển đang ngày đêm đối mặt với sóng gió. Nếu khai thác tốt những giá trị tâm linh ở hai vùng này thì đây sẽ là một sản phẩm du lịch độc đáo thu hút nhiều du khách. Đây là một tiềm năng để phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh.

Tuy nhiên bên cạnh những tiềm năng phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh thì còn những điểm đáng lưu ý đó là: đây là hai vùng có sự phát triển du lịch rất mạnh nhưng lại chưa có sự liên kết du lịch tâm linh giữa hai vùng, các di tích còn mang tính đơn lẻ, thiếu sự liên kết đồng bộ, các nguồn tài nguyên này chưa được đánh giá một cách đầy đủ, chưa khai thác đúng với tiềm năng của nó. khách du lịch đến đây không chỉ tắm biển mà còn muốn tìm hiểu tín ngưỡng, văn hóa của cư dân làng chài nhưng lại gặp nhiều khó khăn.

Là một người con sinh ra và lớn lên ở vùng biển Quảng Ninh nhưng lại được rèn luyện, học tập, gắn bó với thành phố Hải Phòng chính điều này đã thôi thúc

người viết muốn tìm hiểu và đóng góp một phần nhỏ bé của mình vào sự nghiệp phát triển du lịch Hải Phòng\_ Quảng Ninh. Chính vì vậy người viết đã chọn đề tài “tìm hiểu một số tín ngưỡng\_ lễ hội của cư dân miền biển Hải Phòng\_ Quảng Ninh để phát triển du lịch” làm đề tài khóa luận của mình.

## **2.Mục đích của đề tài**

Nghiên cứu đề tài để cảm nhận rõ vai trò, vị trí, tiềm năng phát triển du lịch  
Nghiên cứu để hiểu sâu sắc hơn tín ngưỡng\_ lễ hội của cư dân miền biển Hải Phòng\_ Quảng Ninh

Mục đích cuối cùng là vận dụng vào thực tiễn phát triển du lịch một cách có hiệu quả

## **3. Nhiệm vụ của đề tài**

Cơ sở lý luận làm nền tảng cho vấn đề nghiên cứu

Giới thiệu khái quát một số tín ngưỡng\_ lễ hội Hải Phòng\_ Quảng Ninh

Thực trạng, giải pháp phát triển du lịch

## **4.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Một số tín ngưỡng thần linh gắn với di tích lịch sử, văn hóa như đền Bà Đé, Bà men...

Một số lễ hội cư dân miền biển Hải Phòng\_ Quảng Ninh

## **5.Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài**

Ý nghĩa khoa học:

Cung cấp đầy đủ về tín ngưỡng\_ lễ hội của cư dân miền biển Hải Phòng\_ Quảng Ninh

Ý nghĩa thực tiễn:

Có thể áp dụng vào thực tế cho việc phát triển du lịch Hải Phòng\_ Quảng Ninh từ đó nâng cao giá trị văn hóa, mức sống của người dân.

## **6.Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp thu thập và xử lý tư liệu

Phương pháp khảo sát thực địa

Phương pháp phân tích, so sánh tổng hợp

**7. Bố cục của bài khóa luận**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận gồm 3 chương chính

*Chương 1. Cơ sở lý luận của đề tài*

*Chương 2. Tín ngưỡng và lễ hội qua khảo sát thực tế của ngư dân miền biển Hải*

*Phòng-Quảng Ninh*

*Chương 3. Một số đề xuất nhằm gắn văn hóa với tín ngưỡng \_ lễ hội để phát triển du lịch*

## CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

### 1.1. Tín ngưỡng

#### 1.1.2.khái niệm về tín ngưỡng

Từ xưa đến nay nhân dân Việt Nam luôn quan niệm rằng bên cạnh cuộc sống vật chất với thân xác còn có cả cuộc sống tinh thần với tâm linh. Từ đó đã hình thành nên một hệ tư tưởng rất sâu bền ở mọi người là hệ tư tưởng về thần quyền với một hệ thống thần linh mà ai nấy đều tôn trọng, hệ tư tưởng ấy đã dần trở thành tín ngưỡng.

Có thể hiểu đơn thuần tín ngưỡng là hệ thống các niềm tin mà con người tin vào để giải thích thế giới và để mang lại sự bình an cho cá nhân và cộng đồng.

Hay: tín ngưỡng là niềm tin, sự ngưỡng vọng của con người vào những cái “siêu nhiên” (hay còn gọi là cái “thiên”) cái đối lập với cái “trần tục” cái hiện hữu mà con người có thể sờ mó, quan sát được. Niềm tin vào cái thiên thuộc về bản chất con người, nó ra đời tồn tại và phát triển cùng với loài người, nó là một nhân tố cơ bản tạo nên đời sống tâm linh của con người, cũng giống như đời sống vật chất, đời sống xã hội, đời sống tinh thần...

Tóm lại tín ngưỡng theo đại bách khoa toàn thư Anh định nghĩa: “một trạng thái tâm lý một mệnh đề nào đó không đủ nhận thức lý trí để đảm bảo nó là chân thực mà vẫn tiếp thu hoặc đồng ý mệnh đề đó” các tín ngưỡng dần dần được hình thành từ thấp đến cao, bái vật giáo, tô tem, vật linh giáo, đa thần giáo, rồi hoàn chỉnh đến các tôn giáo và các thiên tính, với trọn vẹn 3 yếu tố: giáo lý, cơ cấu nhân sự, và nghi lễ phụng thờ...

Theo (froyance,foi,e.belief,faith) trước khi tin vào trí tuệ và sức mạnh của chính mình, con người cần phải tìm một nguồn tin nào đó để có thể sống, từ xa xưa, niềm tin đó không thể là cái gì khác ngoài sức mạnh siêu nhiên. Tín ngưỡng là niềm tin và sự ngưỡng mộ, ngưỡng vọng vào một lực lượng siêu nhiên, thần bí bằng một lực lượng siêu nhiên đó có thể mang hình thức biểu tượng “trời”, “phật”,

“thần thánh” hay một sức mạnh vô hình huyền bí nào đó tác động đến đời sống tâm linh của người ta, được người ta tin có thật và tôn thờ.

(từ điển tôn giáo \_Mai Thanh Hải\_ trang 634\_635.NXB từ điển bách khoa 2002)

Lịch sử cho thấy các loại hình tín ngưỡng khác nhau có sức sống dai dẳng và chịu ảnh hưởng lâu dài mà khó có hệ thống nào sánh được, tuy trong hoàn cảnh khó khăn, phức tạp,

lo sợ, hoài nghi phần đông người ta thông qua cảm thụ sức mạnh của thần thánh mà dần ý thức thần thánh phản ứng hay tác dụng do đó hình thành nên cái người ta gọi là tín ngưỡng.

Tùy theo hoàn cảnh, trình độ phát triển kinh tế xã hội của mỗi dân tộc, mỗi địa phương, quốc gia mà niềm tin vào cái thiêng thể hiện ra các hình thức tín ngưỡng cụ thể khác nhau, chẳng hạn như niềm tin vào đức chúa, niềm tin vào đức phật, thần... Các hình thức tín ngưỡng này dù rộng hay hẹp khác nhau, dù phổ quát trên toàn thế giới hay là đặc thù của mỗi dân tộc thì cũng là một thực tế biểu hiện niềm tin vào cái thiêng liêng chung của con người mà thôi.

### **1.1.3. Một số loại hình tín ngưỡng**

#### **1.1.3.1. Tín ngưỡng phồn thực**

Ngay từ đầu duy trì và phát triển sự sống đã là một nhu cầu thiết yếu nhất của con người. Đối với văn hóa nông nghiệp, hai việc này lại càng trở nên quan trọng. Để duy trì sự sống cầu cho mùa màng tươi tốt .Để phát triển sự sống cầu cho con người sinh sôi. Hai hình thức sản xuất lúa gạo (để duy trì cuộc sống ) và sản xuất con người (để kế tục dòng giống ) này có bản chất giống nhau. Đó là sự kết hợp của hai yếu tố khác loại (đất và trời, mẹ và cha)

Từ một thực tiễn đó cư dân nông nghiệp nam – á đã phát triển theo hai hướng: Những lý tưởng sắc sảo đi tìm quy luật khách quan để lý giải hiện thực, kết quả là tìm được triết lý âm dương. Còn những người trình độ hạn chế thì nhìn thấy ở hiện thực một sức mạnh siêu nhiên, bởi vậy mà họ sùng bái nó như thần, kết quả là xuất hiện tín ngưỡng phồn thực (phồn là nhiều, thực là nảy nở ) triết lý âm dương và tín ngưỡng phồn thực chỉ là hai mặt của một vấn đề, ở việt nam tín ngưỡng phồn thực



từng tồn tại suốt chiều dài lịch sử với hai dạng biểu hiện: thờ cơ quan sinh dục và thờ hành vi giao phối.

Việc thờ cơ quan sinh dục nam và nữ được gọi là thờ sinh thực khí (sinh=đẻ, thực =nảy nở, khí=công cụ )đây là hình thái đơn giản của tín ngưỡng phồn thực, nó phổ biến ở các nước nông nghiệp.

Tượng đá, hình nam nữ với bộ phận sinh dục phóng to có niên đại hàng nghìn năm trước công nguyên được tìm thấy ở Văn Điển (Hà Nội ), ở thung lũng Sa Pa (Lào Cai ).Ở nhà mồ tây nguyên xưa nay tượng người với bộ phận sinh dục phóng to thường xuyên có mặt.Ở Phú Thọ và nhiều nơi khác có tục thờ cúng mỡ (nồn ), nường (nõ =cái nôm, tượng trưng cho sinh thực khí nam, nường =nang, mo nang tượng trưng cho sinh thực khí nữ.Ở hội làng Đông Ky (Bắc Ninh ) có tục rước sinh thực khí bằng gỗ , tan hội chúng được đem đốt rồi chia cho mọi người mang rắc ra ngoài ruộng.Hành động địa phương thuộc Phú Thọ, Bắc Ninh, Hà Tây ...trước đây vào dịp hội làng người ta rước tới 18 bộ sinh thực khí và khi đám rước kết thúc mọi người tranh cướp nhau vì tin rằng chúng sẽ đem lại may mắn, no đủ cho cả năm.

Việc thờ sinh thực khí còn thể hiện ở việc thờ các cột đá (tự nhiên hoặc được tạo ra) và các loại hóc (hóc cây, hóc đá, các kẽ nứt trên đá) Ở chùa Dạm (Bắc Ninh) có một cột đá hình sinh thực khí nam có trạm nổi hình rồng thời Lý.Ngư phủ ở Sở đầm Hòn Đỏ (Khánh Hòa )thờ một kẽ nứt trên một tảng đá mà dân gian gọi là Lỗ Lường (âm đọc chệch đi của tên gọi sinh thực khí hư)vì nữ thần này được nhân dân gọi là bà Lường.

Bên cạnh việc thờ sinh thực khí giống như nhiều dân tộc nông nghiệp khác, cư dân trồng lúa nước với tư duy coi trọng quan hệ còn có tục thờ hành vi giao phối, tạo nên một dạng tín ngưỡng phồn thực độc đáo, đặc biệt phổ biến ở khu vực Đông Nam Á.

Trên nắp đồng được tìm thấy ở Đào Thịnh (Yên Bái khoảng 500 năm trước công nguyên ). Xung quanh hình mặt trời là tượng bốn đôi nam nữ đang giao phối.Ở các nhà mồ Tây Nguyên hiện vẫn dựng tượng nam nữ đang giao phối hồn nhiên với bộ

phận sinh dục phóng to. Không chỉ hình người, mà cả hình động vật đang giao phối

cũng rất phổ biến. Ở thân thập Đào Thịnh khắc hình những con thuyền nối đuôi nhau, khiến cho hai con cá sấu – rồng được gắn ở mũi và lái của chúng chạm nhau trong tư thế giao hoàn. Hình chim, thú, cóc giao phối tìm thấy khắp nơi. Nếu lưu ý rằng cóc tượng trưng cho việc cầu mưa, cầu mùa thì ý nghĩa phồn thực của loại biểu tượng cóc giao phối lại càng rõ nét.

Vào dịp hội đền Hùng, ở vùng đất tổ lưu truyền điệu múa “tùng dí”, thanh niên nam nữ múa từng đôi, cầm trong tay những vật biểu trưng cho sinh thực khí của nam và nữ. Ở sở Đầm Hòn Đỏ vừa nói, khi nhiều ngày liên tục không đánh được cá đích thân người cầm đầu sở phải tới cầu xin, lạy ba lạy rồi cầm vật tượng trưng cho sinh thực khí nam đâm vào Lỗ Lường 3 lần. Ở vùng La Sơn, La Cả (Hà Tây) có tục khi rã hội (tan đám) vị bô lão chủ trì đánh 3 hồi trống, 3 hồi chiêng trong khoảng thời gian đó đèn đuốc được tắt hết, mọi điều cấm kỵ được lâm thời hủy bỏ, thanh niên nam nữ được tự do. Ý nghĩa của tục này là ở chỗ sự hợp thân của nam và nữ trên

đất cỏ được xem như một hành động mang tính ma thuật có tác dụng kích thích thiên nhiên, đất trời (giống như việc rắc tro sinh thực khí ra ruộng)

Từ thời xa xưa, chày và cối – bộ công cụ thiết thân của người nông nghiệp Đông Nam Á- đã là vật tượng trưng cho sinh thực khí nam và nữ, còn việc giã gạo tượng trưng cho hành động giao phối. Không phải ngẫu nhiên mà trong vô vàn cách tách vỏ trấu khỏi hạt gạo, người Đông Nam Á đã chọn cách này, trên các trống đồng khác rất nhiều hình nam nữ giã gạo từng đôi. Không thấy mối liên hệ giữa việc giã gạo với tín ngưỡng phồn thực sẽ không hiểu được tục “giã cối đón dâu” nhà trai bày chày cối trước cổng khi dâu về đến nơi thì nhà trai cầm chày mà giã không vào cối mấy tiếng. Đó là nghi lễ cầu chúc cho đôi vợ chồng trẻ được đông con nhiều cháu. Như vậy tín ngưỡng phồn thực đã được hình thành từ rất lâu và ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của cư dân nông nghiệp làm phong phú thêm bản sắc văn hóa dân tộc.

### **1.1.3.2. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên**

Sùng bái tự nhiên là một trong những vai trò tất yếu trong quá trình hình thành và phát triển con người. Người việt nam sống bằng nghề lúa nước thì sự gắn bó với tự nhiên ngày càng lâu dài và bền chặt. Đồng thời con người cũng phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau của tự nhiên trong lĩnh vực nhận thức là lối tư duy tổng hợp, và trong hình thức tín ngưỡng là tín ngưỡng đa thần và âm tính của nền văn hóa nông nghiệp đã dẫn tới hậu quả trong quan hệ xã hội là lối sống thiên về tình cảm, trọng nữ và trọng tín ngưỡng là tình trạng các nữ thần chiếm ưu thế. vì vậy cho nên nữ thần của ta không phải là các cô gái trẻ đẹp mà là các mẹ, các mẫu, tục thờ mẫu đã trở thành một tín ngưỡng việt nam điển hình.

Trước hết là các bà trời, bà nước, bà đất – những nữ thần cai quản các hiện tượng tự nhiên thiết thân nhất đối với cuộc sống của người trồng lúa nước. Về sau do ảnh hưởng của văn hóa trung hoa nên có thêm ngọc hoàng, Thổ Công, Hà Bá. Tuy nhiên các bà vẫn song song tồn tại bà trời dưới dạng Mẫu Cửa Trùng, hay Cửu Thiên Huyền Nữ, ở Huế là Thiên Mụ, Thiên Yana. Nhiều nhà ở góc sân vẫn có một bàn thờ Bà Thiên. Bà Đất tồn tại dưới tên Mẹ Đất. Bà Nước tồn tại dưới tên Bà Thủy. Ba bà này còn được thờ chung như một bộ tam tài dưới dạng tín ngưỡng tam phủ cai quản ba vùng trời, đất, nước. Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải.

Các bà Mây, Mưa, Sấm, Chớp cai quản những hiện tượng tự nhiên hết sức quan trọng trong cuộc sống của cư dân nông nghiệp lúa nước. Đến khi phật giáo vào việt nam nhóm nữ thần này được nhào nặn thành hệ thống Tứ Pháp, Pháp Vân (thần mây) thờ ở chùa Dâu, Pháp Vũ (thần mưa) thờ ở chùa Bà Đậu, Pháp Lôi (thần sấm) thờ ở chùa Bà Tướng, Pháp Điện (thần chớp) thờ ở chùa ba gian. Lòng tin của nhân dân vào hệ thống tứ pháp mạnh đến nỗi vào thời lý nhiều lần triều đình đã phải rước tượng Pháp Vân về Thăng Long cầu đảo, thậm chí rước theo đoàn quân đi đánh giặc.

Người việt còn thờ các hiện tượng tự nhiên khái quát theo không gian và thời gian Thần không gian được hình dung theo ngũ hành Ngũ Hành Nương Nương rồi

có Ngũ Phương chi thần coi sóc các phương trời, Ngũ Đạo Chi Thần trông coi các ngã đường.

Trong mảng tín ngưỡng sùng bái thế giới tự nhiên còn có việc thờ thực vật và động vật như: chim, rắn, cá sấu...đây là những động vật được phổ biến hơn cả ở vùng sông nước.

Thực vật thì được tôn sùng nhất là cây lúa: khắp nơi dù là người việt hay các vùng dân tộc đều có tín ngưỡng thờ thần lúa, mẹ lúa, hồn lúa. Thứ đến là các loại cây xuất hiện sớm ở vùng này như: cây cau, cây đa, quả bầu...

### **1.1.3.3. Tín ngưỡng sùng bái tổ tiên**

Ngoài tín ngưỡng tự nhiên, tín ngưỡng phồn thực tín ngưỡng việt nam còn rất coi trọng con người. Trong con người có cái vật chất và cái tinh thần. Cái tinh thần thì trừu tượng khó nắm bắt nên người xưa đã thần thánh hóa nó thành khái niệm linh hồn và linh hồn đã trở thành đầu mối của tín ngưỡng. Người việt nam và một vài dân tộc đông nam á còn tách linh hồn ra thành hồn và vía. Người việt cho rằng con người có ba hồn nhưng vía thì nam có bảy nữ có chín.

Khi chết người việt cho rằng theo triết lý âm dương thì hồn đi từ cõi dương (dương gian, dương thế) sang cõi âm (âm ty, âm phủ). Đó là thế giới bên kia. Ở vùng nông nghiệp sông nước này thì ‘thế giới bên kia’ cũng là nơi sông nước, ngăn cách chúng ta bằng chín suối (chín là con số ước lệ biểu thị số nhiều) tới đó phải đi bằng thuyền: thời Đông Sơn người chết được chôn trong những quan tài bằng thân cây đẽo theo hình thuyền. Ở vùng đồng bằng bắc bộ và suốt miền duyên hải trung bộ còn lưu giữ nghi lễ “chèo đưa linh” hội các bà múa điệu chèo đò và hát những câu tiễn đưa linh hồn người chết về nơi chín suối.

Niềm tin là khi chết về với tổ tiên nơi chín suối, họ tin rằng khi ở nơi chín suối nhưng ông bà vẫn thường xuyên đi về thăm nom, phù hộ cho con cháu. Đó chính là cơ sở hình thành tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Người phương tây coi trọng ngày sinh thì người việt lại coi trọng ngày mất. Họ cho rằng người đã mất đi về nơi

chín tuổi cho nên họ lập bàn thờ để thờ cúng. Bàn thờ bao giờ cũng được đặt ở nơi trang trọng nhất. Ngày xưa khi cúng lễ bao giờ cũng có lễ cúng các đồ tế lễ khác như vàng mã. Sau khi cúng xong thì đem đốt vàng mã rồi đổ rượu hoặc nước lên đồng tro tàn, khói bay lên trời, nước hòa với lửa thấm xuống đất. Theo họ như thế tổ tiên mới nhận được. Hành động đó được coi là sự hòa quyện nước – lửa (âm dương) và trời – đất – nước (tam tài) mang tính triết lý sâu sắc.

Trong gia đình ngoài ngoài thờ tổ tiên người Việt Nam còn có tục thờ cúng thổ công. Thổ công một dạng của mẹ đất, là vị thần trông coi gia cư, định đoạt phúc họa cho một gia đình. Sống ở đâu thì có thổ công ở đó: đất có Thổ Công, sông có Hà Bá.

Mối quan hệ giữa Thổ Công với ông bà tổ tiên trong gia đình rất thú vị: Thổ Công định đoạt phúc họa cho cả nhà nên là vị thần quan trọng nhất nhưng ông bà sinh thành ra ta được tôn kính nhất. Để không làm mất lòng ai người Việt Nam xếp cho tổ tiên ngự tại ban thờ gian giữa còn thổ công thì ở gian bên trái (theo ngũ hành thì bên trái – phương đông là nơi quan trọng thứ hai sau trung tâm) tuy địa vị kém nhân thần nhưng quyền lực lại lớn hơn. Thổ thần được coi là nhất gia chi chủ. Mỗi khi giỗ cha mẹ, đều phải khấn thổ công trước rồi xin phép ngài cho cha mẹ được về “phối hưởng”

Ở phạm vi gia đình người Việt thờ tổ tiên và thờ thổ công, ở phạm vi làng xã người Việt thờ thành hoàng giống như thổ công, thành hoàng trong một làng là một vị thần cai quản che chở định đoạt phúc họa cho cả làng đó. Thành Hoàng là một từ Hán Việt xuất hiện sau này để chỉ khái niệm đã có từ lâu đời ở các làng quê Việt Nam mà người miền núi quen gọi là ma làng. Thần làng phải có nguồn gốc như thế nào thì nó mới trở thành một hiện tượng phổ biến đến như vậy: không làng nào là không có thành hoàng. Cái lệ làng mạnh đến mức năm 1572 (đời Lê Anh Tông) triều đình phải ra lệnh sưu tầm và soạn ra thần tích của thành hoàng các làng để vua ban sắc phong thần.

Trong nhà thờ gia tiên, trong làng thờ thành hoàng, thì trong nước người Việt thờ vua tổ - các vua Hùng. Mảnh đất Phong Châu (Phú Thọ), nơi đóng đô của các

vua Hùng khi xưa, trở thành đất tổ. Ngày 10/3 là ngày giỗ tổ (tục thờ vua Tổ chỉ có ở Việt Nam).

Người Việt còn có một tín ngưỡng đặc biệt đó là tục thờ tứ bất tử (bốn người không chết) đó là: tản viên, thánh gióng, chữ đồng tử, liễu hạnh. Tản viên biểu tượng cho ước vọng chiến thắng thiên tai, lụt lội, Thánh gióng biểu tượng cho tinh thần chống giặc ngoại xâm, Chữ đồng tử biểu hiện cho cuộc sống phồn vinh về mặt vật chất, Liễu hạnh biểu hiện cho cuộc sống phồn vinh về tinh thần.

Tục thờ tứ bất tử đã trở thành một giá trị văn hóa tinh thần rất đẹp của dân tộc ta. Đó là tinh hoa chắt lọc qua suốt chiều dài lịch sử biểu tượng cho sức mạnh liên kết cộng đồng để làm ruộng và đánh giặc, khát vọng xây dựng một cuộc sống vật chất phồn vinh và tinh thần hạnh phúc.

Như vậy ta thấy tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên được phân làm 3 cấp :

1. Cấp quốc gia\_ thờ vua Hùng
2. Cấp làng xã\_ thờ thành hoàng làng và tổ nghề
3. Cấp gia đình \_ thờ cúng tổ tiên

#### **1.1.3.4. Tín ngưỡng nổi bật của cư dân miền biển**

Đất nước ta có bờ biển dài hàng nghìn ki lô mét, cư dân ven biển hầu hết thờ cá cúng cá voi (cá ông). Đây là một tín ngưỡng đặc thù, phản ánh nhu cầu tâm linh của ngư dân làm nghề đánh bắt cá biển, mà trong đó nghi lễ thờ cá voi là đặc trưng. Bởi lẽ trong tâm thức xuất phát từ những hiện thực cá voi được coi là vị thần hộ mệnh của biển cả của họ.

Ngư dân hoạt động trên biển hẳn thấy có dòng nước phun lên cao từ chỗ hổng ở trán cá voi, là họ nhớ ngay câu: “ông lên hiệu liệu mà trôn “ tức là sẽ có bão tố. Khi bão tố xảy ra thuyền gỗ gặp nạn lập tức cá voi lao tới dùng thân mình che đỡ, đương đầu với sóng gió, dìu người và thuyền vào bờ.

Lúc trời trong biển lặng cá voi thường gọi cá đàn tập trung lại làm mối, khi cá voi xóc tời để ăn mối thì ngư dân nhanh chóng chèo tới tung lưới bủa vây xung quanh, thấy vây cá voi nhẹ nhàng tránh ra xa, tỏ ý nhường ngư dân bủa lưới hốt cá vào thuyền của mình. Chính vì thế ngư dân mang ơn sâu nặng, tỏ lòng ngưỡng mộ,

thành kính, gọi cá voi là đức ông, cá ông, đức ngư và xưng tụng là “Nam Hải cự tộc đại vương Lâm Tôn Thần”

Khi cá voi chết dạt vào bờ người nào trông thấy xác cá voi đầu tiên phải đứng ra chịu tang và người ấy được coi là con ông Nam Hải nên phải mặc đại tang, đội mũm rơm, thắt lưng dây chuỗi phải đứng cạnh bàn thờ để vái đáp những người đến viếng. Tang lễ kéo dài 3 ngày, thực hiện đầy đủ mọi lễ tiết như lễ đại tang. sau một thời gian nhất định làng cung nghinh ngọc cốt ngài về thờ tại đền. Mỗi năm có hai kỳ lễ lớn là ngày giỗ ngài 23 tháng chạp và ngày 15 tháng giêng âm lịch.

Ngày thường thì trước khi ra khơi ngư dân vào đền làm lễ, nếu quá vội thì thấp hương cắm ngay trên bãi cát, người hương về đền cầu khẩn cũng có khi đặt vàng hương lên đầu thuyền để cầu khẩn Đức Ông. Trong quan niệm của ngư dân, Đức Ông là biểu tượng của sức mạnh chống bão tố trên biển, là biểu tượng của lòng nhân ái bao la. Ngài là vị thần hộ mệnh đem âm no hạnh phúc cho ngư dân. Không riêng gì các thế hệ tôn vinh, ngưỡng mộ, mà đạo phật cũng có sự tích cá voi rằng: Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, ngài đã có lần hóa thân thành ông Nam Hải đi tuần du trên biển Nam Hải cứu độ chúng sinh.

Ngoài tín ngưỡng thờ cá ông điển hình của các cư dân miền biển còn có một số lượng lớn các vị thần được ngư dân phụng thờ như tứ vị Thánh Nương, Sát Hải Đại Vương... Về đặc điểm chung thì tín ngưỡng thờ thần cũng mang đặc trưng của văn hóa nông nghiệp. Đó là xu hướng tôn trọng và sùng bái tự nhiên gắn bó mật thiết với thiên nhiên, hài hòa âm dương, đề cao người phụ nữ, và có tính tổng hợp, linh hoạt cao.

Trong quá trình phát triển của tín ngưỡng thờ thần có hiện tượng nhân thần hóa và thiên thần hóa diễn ra song song, nhưng trong một số trường hợp lại rất khó tách bạch được hai hình thức này bởi giữa chúng có sự giao thoa, thâm nhập lẫn nhau. Nhân thần là những vị thần của tự nhiên chủ yếu là có nguồn gốc từ tôn giáo nguyên thủy với quan niệm “vạn vật hữu linh”. Con người hướng đến thờ tự tất cả tự nhiên xung quanh có liên quan đến cuộc sống của họ trong khi đó nhân thần là hiện tượng thờ cúng muộn hơn, khi nhận thức của con người đã phát triển đến một trình độ nhất định chủ yếu là ở thời

kỳ phong kiến. Nhân hóa nhân thân thành nhiên thân là quá trình cá thể hóa, biến đối tượng sùng bái một hiện tượng tự nhiên thành một cá thể.

Các vị thần được ngư dân thờ bằng cách dựng các đền, miếu ở ven biển, ven sông nơi thuận lợi cho việc cầu khẩn. Để khi ngư dân đi đánh bắt cá hay vận tải trên biển đều đến đây cầu khẩn xin bình yên, may mắn. Hệ thống thần linh của ngư dân ven biển khá đa dạng. Ngoài việc thờ các vị thần quen thuộc ngư dân còn có tục thờ long mã trong các lễ mừng thọ, thờ những người chết đuối hiển linh, cũng có thể là những nhân vật có thực trong đời sống có công lao với vùng đất và con người trong quá khứ. Có thể nói hệ thống đình, đền, miếu chính là nơi phản ánh rõ nhất của cư dân miền biển, nó chính là điểm tựa tinh thần tạo nên niềm tin cho người dân trước biển cả bao la, rộng lớn

Đây chính là tín ngưỡng đặc trưng của cư dân miền biển, nó đã ăn sâu và ảnh hưởng trực tiếp ngay tới cuộc sống thường ngày của ngư dân, làm nên một bản sắc văn hóa, tinh thần độc đáo của từng vùng, miền nói riêng hòa chung vào dòng chảy văn hóa dân tộc.

## **1.2. Lễ hội**

Lễ hội nước ta thật đa dạng và phong phú. Theo thống kê của các nhà văn hóa dân gian Việt Nam có gần 500 lễ hội cổ truyền lớn nhỏ, trải rộng khắp đất nước Việt Nam trong bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Mỗi lễ hội mang một nét văn hóa tiêu biểu và có giá trị riêng nhưng bao giờ cũng hướng tới một đối tượng linh thiêng cần được suy tôn như những vị anh hùng chống giặc ngoại xâm, những người có công dạy dỗ truyền nghề, chống thiên tai, diệt trừ thú ác, giàu lòng cứu nhân độ thế. Với tư tưởng uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây, ngày hội diễn ra sôi động bằng những sự tích, công trạng đó là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại làm cho thế hệ trẻ hôm nay hiểu được công lao tổ tiên thêm tự hào về truyền thống quê hương, đất nước, đặc biệt lễ hội nước ta gắn bó với làng xã, địa danh vùng đất như một thành tố không thể thiếu vắng trong đời sống cộng đồng cư dân.

### **1.2.1. Khái niệm về lễ hội**



Theo từ Hán Việt thì lễ có nghĩa là quy tắc, cách ứng xử, cách thức cúng tế, nghi thức tôn giáo.

Hội là : cuộc vui, đám vui đông người.

Trong tiếng Anh: festival- là một loại diễn xướng thu hoạch một mùa vụ đặc biệt, một khoảng thời gian của một hoạt động có tính chất thiêng liêng hoặc thế tục. Lễ hội là hoạt động kỷ niệm định kỳ biểu thị thế giới quan của một nền văn hóa hay nhóm xã hội thông qua hành lễ, diễn xướng nghi lễ và trò chơi truyền thống.

Khi nghiên cứu những đặc tính và ý nghĩa lễ hội nước Nga Mbachiz cho rằng: “thực chất lễ hội là cuộc sống được tái hiện dưới hình thức tế lễ và trò diễn, đó là cuộc sống lao động và chiến đấu của cộng đồng dân cư. Tuy nhiên bản thân cuộc sống không thể trở thành lễ hội được nếu nó không thăng hoa liên kết và quy tụ thành thế giới tâm linh, tư tưởng của các biểu tượng vượt lên trên thế giới của những phương tiện vật yếu. Đó là thế giới là cuộc sống thứ hai thoát ly tạm thời cuộc sống hữu hiệu đạt đến mức lý tưởng mà ở đó mọi thứ đều trở nên đẹp đẽ, lung linh siêu việt và cao cả.

Xét về tính chất ý nghĩa lễ hội Nhật Bản giáo sư Kurayashi viết : “xét về tính chất xã hội, lễ hội là quá trình của tâm hồn, xét về tính chất lễ hội, lễ hội là cái nôi sản sinh và nuôi dưỡng nghệ thuật như mỹ thuật, nghệ thuật giải trí, kịch văn hóa và với ý nghĩa đó, lễ hội tồn tại và có quan hệ mật thiết đến sự phát triển của văn hóa.”

Ở Việt Nam thì khái niệm lễ hội còn khá là mới mẻ, chưa có sự thống nhất, có nhiều định nghĩa khác nhau.

Theo Ngô Đức Thịnh thì: “lễ hội là một văn hóa dân gian tổng thể được hình thành trên cơ sở một nghi lễ một tín ngưỡng nào đó, được tiến hành theo định kỳ, mang tính cộng đồng thường là cộng đồng làng.

Trong cuốn: “lễ hội truyền thống của các dân tộc Việt Nam khu vực phía Bắc” cho rằng: lễ hội là sinh hoạt văn hóa, tôn giáo, nghệ thuật truyền thống của cộng đồng.

Trong cuốn hội hè Việt Nam tác giả có định nghĩa về lễ hội như sau: “hội và lễ hội là sinh hoạt văn hóa lâu đời của dân tộc Việt Nam chúng ta, hội và lễ hội có sức

hấp dẫn lôi cuốn các tầng lớp trong xã hội để trở thành một nhu cầu, một khát vọng của người dân trong nhiều thế kỷ qua.

Trong cuốn lễ hội cổ truyền Phan Đăng Nhật cho rằng: “lễ hội là pho lịch sử không lồ ở đó tích tụ vô số những lớp phong tục, tín ngưỡng văn hóa, nghệ thuật và cả sự kiện xã hội, lịch sử quan trọng của dân tộc và lễ hội còn là bảo tàng sống về các mặt sinh hoạt văn hóa của người Việt. Chúng đã và đang sống với đặc trưng của mình chúng tạo nên sự cuốn hút và thuyết phục mạnh mẽ nhất.

Nhìn chung tất cả các thuật ngữ để chỉ lễ hội đều có ý nghĩa khá thống nhất đó là quãng thời gian mọi người tập trung nhau lại và tiến hành các nghi lễ đặc thù với các cuộc vui chơi chung nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của con người.

### 1.2.2 Cấu trúc của lễ hội

Cấu trúc của lễ hội bao gồm hai phần đó là: phần lễ và phần hội

#### *.phần lễ*

Lễ theo tiếng Việt là nghi thức tiến hành nhằm đánh dấu hoặc kỷ niệm một sự việc, một sự kiện có ý nghĩa nào đó. Chữ lễ được hình thành và biết đến từ thời nhà Chu (thế kỷ 7 trước Công nguyên) lúc đầu chữ lễ được hiểu là lễ vật của các gia đình quý tộc nhà Chu cúng tế thần, tổ tông gọi là tế lễ, dần dần chữ lễ được mở rộng nghĩa là: “hình thức phép tắc để phân biệt trên dưới, sang hèn thứ bậc lớn nhỏ trong xã hội khi đã phân biệt đẳng cấp, khi xã hội phát triển thì chữ lễ càng được mở rộng ra.

Tóm lại chữ lễ trong lễ hội là một hệ thống các hành vi động tác nhằm biểu hiện lòng tôn kính của dân làng với các thần linh, lực lượng siêu nhiên nói chung với thành hoàng nói riêng. Đồng thời lễ cũng phản ánh những nguyện vọng, ước mơ chính đáng của con người trước cuộc sống đầy dẫy những khó khăn mà bản thân họ chưa có khả năng cải tạo.

Lễ trong lễ hội không đơn lẻ mà nó là một hệ thống liên kết có trật tự cùng hỗ trợ nhau thường bao gồm:

Lễ rước nước:

Trước khi vào đám một ngày làng tổ chức ra sông lấy nước về đình để tiến hành lễ mộc dục

Lễ mộc dục:

Lễ tắm tượng thần, thắp hương, dâng hương, dâng lễ tắm lần một bằng thứ nước vừa rước, tắm lần hai bằng nước ngũ vị hoặc trầm hương (dùng vải đỏ để lau)

Lễ tế gia quan:

Lễ khoát áo, mũ cho tượng thần bài vị được phong gói đặt lên kiệu rước về đình, các chân kiệu phải chay tịnh một tuần, bịt miệng bằng một mảnh vải điều.

Đám rước

là hình ảnh tập trung nhất của hội làng là biểu trưng của sức mạnh cộng đồng đang vận động trước mắt mọi người một cách tráng lệ mà vẫn thân quen. Đám rước đón vị thần từ nơi đài ngự (đền, miếu, nghè) về đình để ngài xem hội dự hưởng lễ vật được dâng lên từ tấm lòng thành kính của dân làng. Cũng có khi dân làng tổ chức đám rước diễn lại sự tích một đoạn đời vẻ vang nhất hoặc tiêu biểu nhất của người dân.

Đại tế

Đây là nghi thức trang trọng nhất khi bài vị được rước ra đình, tại lễ này thường mổ trâu, mổ bò làm lễ vật dâng cúng thần linh. Đại tế do ban tế thực hiện, tế có mục đích đón rước thỉnh mời thần về dự hội thưởng lễ vật, đồng thời là dịp dân làng chúc tụng thần, bày tỏ lòng biết ơn của dân làng với thần và cầu mong thần bảo hộ cho dân làng.

Lễ túc trực

Lễ túc trực bên tượng thần là công việc quan trọng vì quanh năm tượng thần để ở ngoài hậu cung chỉ có ngày hội làng mới rước thần ra dự lễ. Do vậy vào những ngày này ai cũng muốn đến để chiêm ngưỡng, đến bày tỏ sự sùng kính và xin thần ban phúc ban lộc cho gia đình mình. Người túc trực phải có cách xử sự khéo léo để vừa ý không phụ lòng dân mà lại cũng hợp ý thần.

Lễ hèm

Là một hoạt động nghi lễ nhằm diễn lại một quãng đời “đặc biệt” của thần lúc sinh thời hoặc một chi tiết, hành động mang tính cá biệt rất tiêu biểu.

Tuy nhiên không phải lễ hội nào cũng đầy đủ những phần nghi lễ trên mà nó phụ thuộc vào tính chất của từng lễ hội.

### ***Phân hội***

Diễn ra những hoạt động biểu tượng điển hình của tâm lý cộng đồng, văn hóa dân tộc, chứa đựng những quan niệm của dân tộc đó với thực tế xã hội và thiên nhiên.

Hội là để vui chơi thỏa thích, thoải mái, nó không ràng buộc bởi nghi lễ tôn giáo đẳng cấp và tuổi tác. Sau những ngày tháng làm ăn lam lũ dân làng chờ đón ngày hội như chờ đón một niềm tin cộng đồng. Họ đến với hội trong tinh thần cộng cảm hồ khởi, sáng khoái, có thể nói rằng hội làng là một cấu trúc tương đối hoàn chỉnh về nhiều mặt. Hội làng đã trở thành một sinh hoạt tinh thần, văn hoá có giá trị. Tất cả những gì tiêu biểu cho một vùng đất một làng xã được mang ra phô diễn đem lại niềm vui cho mọi người.

Xét về nguồn gốc phần lớn các trò chơi này đều xuất phát từ những ước vọng thiêng liêng của con người nông nghiệp như ước vọng cầu mưa là các trò chơi tạo ra tiếng nổ mô phỏng tiếng sấm vào các hội mùa xuân để nhắc nhở trời làm mưa như thi: đốt pháo, đi thuyền đốt pháo, ném pháo, đánh pháo đất... xuất phát từ ước vọng cầu an là các trò thi thả diều vào các hội mùa hè mong gió lên, nắng lên để nước lụt mau rút xuống. Xuất phát từ ước vọng phồn thực là các trò cước cầu thả lỗ, đánh đáo, ném còn, bắt chạch trong chum... Xuất phát từ ước vọng rèn luyện sự nhanh nhẹn, tháo vát, khéo léo là các trò thi thổi cơm thi luộc gà, thi dọn cỗ, thi bắt lợn thi bắt vịt thi dệt vải, thi bịt mắt bắt dê, đua cà kheo... Xuất phát từ ước vọng rèn luyện sức khỏe và khả năng chiến đấu là các trò đấu vật, kéo co, chọi gà, chọi trâu, chọi cá, chọi dế...

### **1.2.3. Thời gian và không gian của lễ hội**

#### ***Thời gian***

Hội thường mở theo chu kỳ hằng năm nhân ngày kỵ hay ngày sinh ngày phát tích của thành hoàng và nhất thiên nhất lệ làng không được bỏ qua ngày thiêng ấy. Mỗi một vùng miền đều có một lễ hội riêng của mình chẳng thế mà vùng kinh bắc có câu: mừng 7 hội khám, mừng 8 hội dâu, mừng 9 đầu đầu nhớ về hội gióng.

Thời điểm tổ chức lễ hội chủ yếu phổ biến vào hai thời điểm mùa xuân và mùa thu ngoài ra còn có những lễ hội không mở vào thời điểm nhất định mà phụ thuộc vào tính chất của lễ hội tiêu biểu như lễ hội cầu mưa. Thời gian mở lễ hội dài hay ngắn là phụ thuộc vào nội dung của lễ hội cũng như khả năng kinh tế của dân làng trong từng năm. Có những lễ hội kéo dài hàng tháng hoặc từ ngày này sang ngày khác như: hát quan họ bắc ninh, lại có hội diễn ra trong vòng một ngày như: hội lệ mật ở Gia Lâm – Hà Nội.

### ***Không gian***

Địa điểm diễn ra lễ hội thường sân đình-nơi trung tâm sinh hoạt văn hóa của cả làng nhưng cũng có khi mở hội ở tại đền, chùa, hoặc tại một gò đồng, bến bãi.

### **1.3.Mối quan hệ giữa tín ngưỡng với lễ hội**

Tín ngưỡng nằm trong lễ hội có mối quan hệ mật thiết với nhau, không tách rời nhau. Lễ hội là hoạt động tập thể và thường có liên quan tới tín ngưỡng. Con người xưa kia rất tin vào trời đất, thần linh. Các lễ hội cổ truyền phản ánh hiện tượng đó. Tín ngưỡng có ảnh hưởng rất lớn đến lễ hội, tín ngưỡng thông qua lễ hội để thần linh hóa những thứ trần tục.

Đối tượng trong lễ hội thường là những nhân vật được phụng thờ như thành hoàng làng... Những truyền thuyết đó khắc họa nhân vật phụng thờ bằng nghệ thuật ngôn từ, bằng hình tượng, bằng các biện pháp nghệ thuật theo đặc trưng thể loại lễ hội, ca ngợi nhân vật phụng thờ bằng tín ngưỡng, nghi thức lễ bái, phong tục bằng sự kiêng kị, vật phẩm dâng cúng, bằng việc diễn lại các sự tích, hành động, bằng những trò chơi dân gian, bằng đám rước... Sự phong phú hay không của lễ hội phụ thuộc vào tín ngưỡng.

Đối tượng trung tâm của truyền thuyết, tín ngưỡng, lễ hội là nhân vật phụng thờ. Lễ hội là phương tiện để thực hành tín ngưỡng, lễ hội gắn bó mật thiết với tín ngưỡng, nó mang nội dung của tín ngưỡng sâu sắc. Tín ngưỡng thông qua lễ hội thể hiện yếu tố tâm linh, đời sống tinh thần của nhân dân. Có thể thấy sự gắn kết giữa tín ngưỡng lễ hội là sự tích mà truyền thuyết làm trung tâm tạo nên sự gắn kết ấy.

Lễ hội bắt nguồn từ tập quán cổ truyền hoặc do tín ngưỡng dân gian của mỗi dân tộc tạo nên song song với các sinh hoạt tôn giáo, hầu hết đồng bào có đạo hay không có đạo đều giữ gìn tập quán thờ cúng tổ tiên, ông bà, tín ngưỡng dân gian truyền thống, một bộ phận khá đông tham gia sinh hoạt lễ hội dân gian chứa đựng những yếu tố tín ngưỡng.

Như vậy giữa tín ngưỡng và lễ hội luôn có quan hệ gắn bó mật thiết với nhau, nó làm phong phú thêm đời sống và tinh thần người dân, tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc

#### **1.4. Tín ngưỡng – lễ hội là một nhu cầu văn hóa tinh thần tâm linh của con người**

Việt nam là một quốc gia có diện tích nhỏ nhưng lại có một nền văn hóa đặc sắc với những phong tục truyền thống, ngôn ngữ, có sự trải nghiệm cũng như nguồn vốn tri thức bản địa cực kỳ đa dạng và phong phú. Là một quốc gia khởi thủy của một nền văn hóa nông nghiệp lúa nước, vụ mùa sông nước, thiên nhiên gắn chặt với người việt hàng ngàn năm, và một trong những truyền thống gắn bó với lịch sử người việt trường tồn đến ngày nay đó là tín ngưỡng- lễ hội. Chính vì vậy tín ngưỡng – lễ hội đã trở thành một nhu cầu thiết yếu của con người. Tín ngưỡng – lễ hội được hình thành từ rất lâu đời, nó gắn bó chặt chẽ với làng xã, địa danh, vùng đất như một thành tố không thể thiếu trong cộng đồng của người dân.

Hơn thế nữa trong tất cả loại hình văn hóa thì lễ hội là một sinh hoạt văn hóa tổng hợp bao gồm các mặt tinh thần, tín ngưỡng, tôn giáo, văn hóa nghệ thuật, linh thiêng và đời thường. Tín ngưỡng, lễ hội còn là một hình thức sinh hoạt văn hóa đặc biệt có sức hấp dẫn và lôi cuốn các tầng lớp trong xã hội, trở thành một nhu cầu, một món ăn tinh thần không thể thiếu được trong đời sống văn hóa của con người.

Lễ hội nước ta thật đa dạng và phong phú. Theo thống kê của các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian việt nam có gần 500 lễ hội cổ truyền lớn nhỏ trải rộng khắp đất nước trong bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Những biểu hiện trên cho thấy người dân rất coi trọng tín ngưỡng – lễ hội, hầu như bất kỳ ai cũng đều ít nhất một lần tham gia vào các hoạt động tín ngưỡng – lễ hội. Đặc biệt là các lễ hội lớn đã thu hút rất đông đảo mọi người tham gia không phân biệt tuổi tác, địa vị...

Trong những năm trở lại đây khi đời sống ngày càng được nâng cao, kinh tế, xã hội phát triển con người luôn ở trong khuôn phép không được thả lỏng, đời sống tinh thần bị hạn chế chính vì thế họ đã tìm đến lễ hội để cân bằng đời sống tâm linh, tình cảm, hòa đồng với thiên nhiên với con người. Do đó những nỗi niềm băn khoăn, những ước vọng về cuộc sống hiện tại, tương lai cũng như sinh hoạt đời thường được thể hiện một cách sinh động và cô đúc dưới dạng biểu tượng hay nghi lễ, trang nghiêm hay thuần tục trong các lễ thức, trò chơi, trò diễn...

Hơn nữa tín ngưỡng – lễ hội đã hình thành nên nếp sống, nếp nghĩ, một truyền thống nhân văn được đề cao trong lễ hội như một lý tưởng cần được thể hiện trong ngày thường.

Tín ngưỡng – lễ hội sẽ làm cho con người ngày càng xích lại gần nhau hơn thông qua những hoạt động lễ hội, khi mà giao lưu kinh tế văn hóa ngày càng phát triển con người dường như thấy mình tách khỏi xã hội, sợ đánh mất mình trong quá trình hội nhập nên họ thường tìm về bản sắc, truyền thống, cội nguồn của mình mà đời sống tâm linh được thể hiện mạnh mẽ nhất.

Tín ngưỡng – lễ hội rất gần gũi với đời sống nhân dân, không cao siêu tinh mịch cũng không nghiêm nghị đến mức xơ cứng, lạnh lùng vì thế nó tạo nên một sức hút mạnh mẽ trong đời sống tinh thần xã hội. Tín ngưỡng – lễ hội làm cho con người lạc quan, tin tưởng hơn trong cuộc sống. Những niềm tin hy vọng họ đều gửi gắm vào thần linh, họ tin rằng những điều mình cầu sẽ trở thành hiện thực, những gì băn khoăn, khó khăn trong cuộc sống không giải quyết được họ lại gửi gắm vào thế lực siêu nhiên nào đó. Bên cạnh đó người ta muốn đi cầu đi xin, đi cảm ơn... để sức khỏe được dồi dào, làm ăn thuận lợi, gia đình hạnh phúc. Như vậy ta thấy rõ tín ngưỡng – lễ hội đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống văn hóa tinh thần của con người.

## **1.5. Du lịch**

### **1.5.1. Tác động của du lịch đến lễ hội**

Tín ngưỡng, lễ hội ra đời không phải vì mục đích du lịch nhưng lại mang tính du lịch rõ nét. Chính vì vậy giữa tín ngưỡng, lễ hội và du lịch có mối quan hệ

chặt chẽ tác động chi phối lẫn nhau, trong khi đó xã hội không ngừng phát triển, chất lượng cuộc sống nâng cao, con người ngày càng muốn tìm hiểu yếu tố tâm linh, trở về cội nguồn dân tộc vì vậy nhu cầu tín ngưỡng, lễ hội ngày càng trở nên thiết yếu. Do đó du lịch đã trở thành một cầu nối gắn kết giữa các tín ngưỡng, lễ hội lại với nhau, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người. Vì thế sự tác động của du lịch đến lễ hội được thể hiện rất rõ nét:

Nhờ có du lịch mà các giá trị văn hóa trong tín ngưỡng, lễ hội được bảo tồn và phát huy, nếu như không có du lịch thì các tín ngưỡng, lễ hội chỉ đơn lẻ, địa phương nào có lễ hội thì địa phương đó tự tổ chức. Khi xã hội ngày càng phát triển diễn ra sự giao lưu nền văn hóa Việt hội nhập với các nền văn hóa khác sẽ tạo ra ảnh hưởng tiếp thu tư tưởng mới mà dân lãng quên đi những lễ hội cổ truyền. Những giá trị, yếu tố tâm linh trong tín ngưỡng, lễ hội cũng từ đó dần mai một đi. Chính vì thế khi du lịch đi vào lễ hội thì những yếu tố đó sẽ được quan tâm, duy trì và phát triển.

Nhờ có du lịch mà các lễ hội cổ truyền được phục hồi. Những lễ hội cổ truyền từ xa xưa thì giá trị tâm linh còn được đến ngày nay rất mờ nhạt nhưng nhờ có du lịch đã khôi phục, dựng nên lại toàn bộ những yếu tố đó bằng những chính sách, bằng những kinh phí đầu tư cho các tín ngưỡng, lễ hội.

Đồng thời du lịch góp phần làm thay đổi một phần diện mạo của lễ hội bằng việc đưa khách du lịch đến với lễ hội sẽ làm tăng tính thu hút, hấp dẫn của lễ hội. Du khách sẽ được hòa mình vào không khí thiêng liêng của phần lễ, có thể được trực tiếp tham gia vào phần hội, từ đó nó sẽ xóa đi sự nhàm chán, đơn điệu của lễ hội, sự yếu ớt của hoạt động đơn lẻ ở địa phương.

Không những thế lễ hội còn đem đến một nguồn lợi kinh tế cho địa phương, không chỉ là kinh tế đầu tư cho lễ hội mà nguồn lợi kinh tế ở đây ảnh hưởng trực tiếp đến người dân, tạo ra một khối lượng việc làm cho con người nơi đây như thông qua các dịch vụ vận chuyển khách, dịch vụ trông giữ xe, bán hàng hóa, đồ lưu niệm, các nhà hàng, khách sạn phục vụ cho ăn uống và lưu trú của khách.



Ngoài những nguồn lợi kinh tế còn có các tinh hoa văn hóa do du khách đem lại tạo nên sự giao lưu văn hóa giữa khách du lịch, với văn hóa tâm linh và văn hóa của con người tại điểm đến.

Du lịch là cầu nối để quảng bá, giới thiệu hình ảnh lễ hội đến người dân bản địa nói chung và khách du lịch nước ngoài nói riêng. Hình ảnh về lễ hội sẽ được quảng bá rộng khắp thông qua nhiều hình thức như: in ấn sách báo, tranh ảnh, internet, truyền hình... Từ đó sẽ đem đến cho du khách một cái nhìn tổng quan nhất, một sự liên tưởng sâu sắc nhất, khơi dậy sự tìm hiểu về các giá trị văn hóa tâm linh. Đây cũng sẽ là động lực thúc đẩy người dân đi du lịch nhờ đó mà du khách biết đến lễ hội nhiều hơn.

Tuy nhiên song song với thuận lợi mà du lịch đem lại cho lễ hội thì bên cạnh đó vẫn còn một số vấn đề tồn đọng như:

Khai thác du lịch tới đâu sẽ làm ảnh hưởng, thay đổi đôi khi làm đảo lộn các hoạt động bình thường của những nơi có tổ chức lễ hội. Du khách với nhiều thành phần lại là những người có điều kiện và nhu cầu khác nhau, hoạt động của họ có thể tác động không nhỏ đến tình hình trật tự an toàn nơi có lễ hội. Nếu không tổ chức, điều hành, quản lý lễ hội chu đáo sẽ dẫn đến sự lộn xộn trong quản lý, điều hành, xã hội...

Mặc khác hoạt động du lịch với những đặc thù riêng có của nó dễ làm biến dạng lễ hội truyền thống, vì lễ hội truyền thống dù có đặc tính mở vẫn có những hạn chế nhất định về điều kiện kinh tế, văn hóa- xã hội cổ truyền, vốn chỉ phù hợp với một khuôn mẫu và không gian bản địa. Cho nên khi hoạt động du lịch mang tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao... sẽ làm mất sự cân bằng, dẫn tới sự phá vỡ các khuôn mẫu truyền thống của địa phương trong quá trình diễn ra lễ hội. Hiện tượng thương mại hóa các hoạt động lễ hội. Bản sắc vùng miền có nguy cơ bị “mờ” do kết quả của việc giao thoa văn hóa thiếu lành mạnh không thể tránh khỏi đem đến từ phía một bộ phận du khách. Sự du nhập giao lưu văn hóa đông - tây khiến cho một bộ phận giới trẻ từ chối truyền thống và thay đổi cách sống theo một du khách. Nguyên nhân của hiện tượng này là trong hoạt động kinh doanh,

người dân bản xứ lấy chuẩn của du khách làm vừa lòng họ nhằm thu hút tối đa lợi nhuận.

Chính vì vậy để du lịch tâm linh có sự phát triển đồng bộ và toàn diện thì việc chia sẻ quyền lợi của các cộng đồng nhân dân có các giá trị tâm linh ấy phải được coi trọng và phải được hưởng lợi qua các sản phẩm du lịch. Có như vậy họ mới thấy giá trị của mình và nhiệt tình tham gia vào các hoạt động du lịch góp phần bảo tồn và phát huy được những giá trị văn hóa tâm linh.

### **1.5.2. Tác động của lễ hội đến du lịch**

Tín ngưỡng, lễ hội và du lịch là một tổng thể luôn luôn có mối quan hệ biện chứng. Mối quan hệ này ngày càng được thể hiện rõ hơn trong sự liên hệ ngày càng được bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa. Có thể coi tín ngưỡng, lễ hội là một yếu tố cung góp phần hình thành nên yếu tố cầu. Tín ngưỡng, lễ hội luôn song hành với nhau, sự phong phú về nội dung, hình thức lễ hội là yếu tố quan trọng trong việc thu hút ngày càng nhiều khách du lịch. Có thể coi tín ngưỡng, lễ hội là một món ăn tinh thần, một lời chào đón, đồng thời nó cũng khơi dậy ý thức tìm tòi muốn tham gia vào hoạt động du lịch của du khách.

Lễ hội còn là nền móng cho du lịch phát triển bền vững. Nó là thành tố quan trọng để liên kết các điểm du lịch với nhau, hình thành nên các tuyến điểm du lịch, giúp cho việc xây dựng các chương trình, các tour du lịch. Lễ hội càng độc đáo, đặc sắc thì tour du lịch đó càng hấp dẫn.

Nếu như du lịch đem lại nguồn lợi kinh tế lớn cho địa phương\_ nơi có những tín ngưỡng lễ hội thì ngược lại cũng đem đến cho du lịch một nguồn thu lớn và làm cho du lịch ngày càng trở nên phổ biến, rộng rãi hơn.

Tuy nhiên bên cạnh những yếu tố tích cực mà lễ hội tác động đến du lịch thì còn có những ảnh hưởng tiêu cực:

Đó chính là hiện tượng đặt nhiều hòm công đức ở nhiều nơi để nhằm sinh lợi, xuất hiện các hiện tượng tệ nạn, xã hội như móc túi, tăng giá các sản phẩm bày bán, những sản phẩm như các loại thuốc được bày bán không rõ xuất xứ, các loại sách được in ấn, phát hành một cách đại trà không rõ xuất xứ, nhiều thông tin gây nhiễu về tín ngưỡng, lễ hội ảnh hưởng trực tiếp đến khách du lịch...

### **1.6. Tiểu kết chương I**

Con người Việt Nam có sự hỗn dung về tôn giáo nhưng lại không bao giờ xảy ra những xung đột về tranh chấp quyền lực giữa các tôn giáo, thực tế cho thấy Đảng và Nhà nước ta đã có những chính sách xác thực nhằm phát triển tôn giáo theo pháp luật của Nhà nước Việt Nam. Chính vì vậy mà tín ngưỡng, tôn giáo phát triển và mang cho mình màu sắc riêng. Mỗi một vùng miền lại có những tín ngưỡng khác nhau trong đó thì tín ngưỡng của người ngư dân đi biển Hải Phòng\_ Quảng Ninh lại mang nét khá độc đáo và hấp dẫn. Việc khai thác các tín ngưỡng\_ lễ hội ở nơi đây là rất cần thiết cho sự phát triển du lịch và cũng là nơi lưu giữ, bảo tồn, phát triển những giá trị tín ngưỡng\_ lễ hội. Tín ngưỡng- lễ hội đã để lại một kho tàng giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể vô cùng phong phú, đặc sắc, là nguồn tài nguyên vô giá đối với việc khai thác và phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch văn hóa tâm linh. Do đó mà phần chương 1\_ cơ sở lý luận của đề tài đã làm nền tảng cho sự định hướng, phát triển tín ngưỡng\_ lễ hội

## **CHƯƠNG II. TÍN NGƯỠNG\_LỄ HỘI QUA KHẢO SÁT THỰC TẾ CỦA NGƯỜI DÂN VEN BIỂN HẢI PHÒNG- QUẢNG NINH.**

### **2.1.Nhu cầu tín ngưỡng-lễ hội của cư dân ven biển Hải Phòng-Quảng Ninh**

Những phong tục tập quán tốt đẹp của ngư dân Hải Phòng-Quảng Ninh đã trở thành một nhu cầu tâm linh , nhu cầu văn hóa trong đời sống hằng ngày.Nét truyền thống đó đã tạo nên những văn hóa dân gian vùng biển rất phong phú và đa dạng .

Trải qua hàng ngàn năm mở đất lập nghiệp , con người Hải Phòng-Quảng Ninh đã để lại dấu ấn văn hóa , lịch sử tín ngưỡng của mình trong hàng trăm đền, đình , miếu và đặc biệt là trong các lễ hội văn hóa dân gian đặc sắc.Ở Hải Phòng-Quảng Ninh thì yếu tố biển nổi lên như một yếu tố văn hóa kinh tế của vùng này.Mối quan hệ giữa con người với tự nhiên được biểu thị qua quá trình sáng tạo lưu giữ và hưởng thụ các giá trị văn hóa của con người.Do đó nếu lễ hội của cư dân nông nghiệp bị chi phối bởi các yếu tố ruộng đồng ,lúa nước, làng xóm thì các yếu tố quy định lễ hội của cư dân làm nghề đi biển là “yếu tố biển” chính vì vậy yếu tố biển đã gắn chặt với cuộc sống của ngư dân nơi đây.

Đối với người dân địa phương việc tổ chức tham gia các lễ hội không chỉ thể hiện tính cộng đồng mà nó còn là một phần quan trọng trong đời sống tâm linh không thể thiếu ở mỗi người dân Hải Phòng-Quảng Ninh.Đây là một nét sinh hoạt văn hóa ,tinh thần mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc , thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn .Trải qua bao thế hệ lòng nhiệt tình , sự đam mê với lễ hội không mất đi mà ngày càng được hun đúc thêm , đây chính là cơ sở cho lễ hội của ngư dân Hải Phòng-Quảng Ninh được tồn tại và lưu truyền.

khi đề cập tới nhu cầu hoạt động và hưởng thụ văn hóa của người dân cũng có nghĩa là nói đến mong muốn, đòi hỏi của người dân về hoạt động sáng tạo, tiếp xúc và hưởng thụ văn hóa trên những phương diện vật chất, tinh thần và tâm linh ở những cơ sở văn hóa khác nhau. Cụ thể hơn, đó là nhu cầu về ăn, mặc, ở, đi lại, sản xuất...

Những người ngư dân họ sống chủ yếu dựa vào biển chính vì vậy mà các di tích , đền , chùa ở đây đều in đậm yếu tố biển .Trong lao động sản xuất hay trong cuộc sống hàng ngày thì họ luôn đến các di tích đền ,miếu ấy để thờ cúng và cầu

mong cho trời yên biển lặng , đánh bắt được nhiều cá ,tôm, thuận buồm xuôi gió tránh được những mối nguy hiểm trên biển .Họ tin tưởng vào những tín ngưỡng, yếu tố tâm linh đó chính vì vậy mà tín ngưỡng biển đã ảnh hưởng đến mỗi ngư dân , là một nhu cầu thiết yếu không thể thiếu trong cuộc sống.Bên cạnh đó sau những ngày tháng lao động vất vả họ lại hòa mình trong các trò chơi dân gian như đua thuyền rồng, kéo co , thi đánh bắt...do đó đã hình thành nên phần hội.Chính những tín ngưỡng cùng với những trò chơi dân gian đã hình thành nên tín ngưỡng- lễ hội vô cùng đặc sắc, độc đáo.Nó trở thành một nhu cầu quan trọng , thiết yếu trong cuộc sống của ngư dân làng chài nơi đây.

Trong tất cả các loại hình văn hóa thì lễ hội là một sinh hoạt tổng hợp bao gồm các mặt tinh thần và vật chất, tôn giáo, tín ngưỡng và văn hóa nghệ thuật, linh thiêng và đời thường. Ngoài ra, lễ hội còn là một hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng đặc biệt, có sức hấp dẫn và lôi cuốn các tầng lớp trong xã hội, trở thành một nhu cầu, một món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống văn hóa của con người.

Đó là loại hình văn hóa phi vật thể nhằm cố kết cộng đồng gắn bó chặt chẽ, thể hiện những khát khao vươn lên trong đời sống được giữ gìn từ đời này sang đời khác. Đồng thời, lễ hội cũng là một sinh hoạt văn hóa nghệ thuật mà trong đó vừa thể hiện sự nghiêm trang, cẩn trọng trong các nghi lễ vừa vui vẻ, hòa đồng trong các nghi thức hội hè. Trong thời điểm lễ hội, mọi người đều hướng về cái thiêng, cái thiện. Văn hoá lễ hội từ đây mà hình thành. Vì thế có thể nói lễ hội có một vị trí quan trọng trong cuộc sống văn hóa tinh thần của con người là một sinh hoạt văn hóa không thể thiếu trong cuộc sống.

## **2.2.Những hoạt động tín ngưỡng-lễ hội của ngư dân ven biển Hải Phòng- Quảng Ninh**

### **2.2.1.Hệ thống đền , miếu ở đảo Hà Nam**

Đảo Hà Nam được biết đến với những văn hóa, tín ngưỡng đi biển vô cùng độc đáo và hấp dẫn.Ngoài việc đánh bắt thủy sản, người dân vùng đảo Hà Nam

xưa đều làm vận tải biển. Làng nào cũng có cống kéo thuyền qua đê. Đó là điểm đầu tiên người dân bắt đầu công việc lao động vận tải trên sông, biển.

Đó cũng là nơi đặt các miếu thờ các vị thần liên quan đến sông biển. Ngoài ra người ta cũng dựng miếu ở ven đê, ven sông, ven biển, nơi thuận lợi cho việc cầu khẩn. Để khi những ngư dân đi đánh bắt cá hay vận tải biển đều đến đây cầu xin bình yên, may mắn.

Lễ hội Tiên Công (Cắm La) là một trong những lễ hội quan trọng của người dân biển vùng Hà Nam (Yên Hưng).

Theo ông Lê Đồng Sơn, Trưởng Phòng Văn hoá Thông tin Yên Hưng, Hà Nam có nhiều ngôi đền miếu linh thiêng với cư dân đi biển, như đền Thủy cung Thánh mẫu ở chợ Rừng (còn gọi là Đình Phố Yên Hưng), đền bà Minh Hà ở thôn Công Mương, xã Phong Hải; đền cửa Càn Hải; đền Vua Bà; miếu Hưng Linh ở thôn Lưu Khê; miếu Công Vông, xã Cắm La; miếu Công Lái ở làng Lái; miếu Vòng Đê ở làng Hải Yên; miếu Chính Phủ ở thôn Hưng Học, xã Nam Hoà; miếu cống Canh Thu, xã Phong Hải; miếu Thủy cung Thánh mẫu ở bên đò Lái, xã Phong Hải...

Cũng nói về hệ thống di tích tín ngưỡng biển của cư dân vùng Hà Nam, nhà nghiên cứu văn hóa Đặng Ngọc Hà cho rằng có một nét khá riêng biệt, đó là hệ thống thần linh của ngư dân Hà Nam rất đa dạng. Ngoài các vị thần quen thuộc, người dân Hà Nam còn có tục thờ Long Mã trong các lễ mừng thọ, thờ những người chết đuối hiển linh. Đặc biệt những vị thần đó có thể là những nhân thần thấp thoáng đâu đó trong truyền thuyết. Cũng có thể là những nhân vật có thực trong đời sống, có công lao đối với vùng đất và con người Hà Nam trong quá khứ.

Tiêu biểu như các vị Tiên Công được thờ trong ngôi miếu Tiên Công (Cắm La). Đó là những người con Thăng Long đi mở đất, tạo nên vùng Hà Nam từ phú từ thế kỷ thứ 15. Sự tồn tại của họ ngày nay được minh chứng trong các thư tịch của chính quyền trung ương thời phong kiến, trong gia phả các dòng họ Hà Nam, trong các văn bia còn sót lại... Hay như vị quan của triều đình Bản chân Đại vương ở đền cửa Càn Hải.

Theo ông Vũ Duy Tính, một trưởng ngành họ Vũ Duy ở xã Phong Cốc, cho biết, ngài là dòng dõi đời thứ 3 của các vị Tiên Công đã có công cho mở chợ Đông ở

vùng trung tâm Hà Nam, biển khu đảo này thành một đầu mối giao thông vào cuối thế kỷ XVI.

Đặc biệt, có những chiến sĩ cách mạng cũng được "phong thần", như trường hợp đền thờ bà Minh Hà. Bà tên thật là Đỗ Thị Sinh, là Bí thư chi bộ khu Hà Nam, đã bị thực dân Pháp bắt, giết chết và thả trôi trên sông. Người ta nói rằng sau khi chết, bà luôn hiển linh báo mộng giúp nhân dân thoát khỏi tai ương khi đi biển.

Chính vì thế dân làng lập đền thờ bà. Ngoài ra còn một vài nhân thần khác được thờ hoặc phối thờ ở một số đình đền như Quận công Vũ Hoàng Đào, là người con vùng đất Hà Nam học rộng hiểu nhiều, thi đỗ đến chức danh Quận công; cụ Lê Đình Vỹ, cũng là một người con hào kiệt khác của địa phương...

Bên cạnh đó là không ít những nhân thần vô danh mà tên tuổi của họ chỉ được đề lại trong các câu chuyện truyền thuyết của ngư dân. Có thể kể ra vị chủ thần của miếu Hưng Linh, được cho là mãnh cô Lê Thị Tôn. Bà vốn thuộc dòng họ Lê Phúc, thôn Lưu Khê. Khi bà thác rất hiển linh phù hộ dân làng.

Sách "Văn hoá Yên Hưng - Lịch sử hình thành và phát triển" của tác giả Lê Đồng Sơn còn cho biết một sự kiện: Người dân vùng sông nước Cát Hải (Hải Phòng) thấy mãnh cô miếu Hưng Linh quá linh thiêng đã từng trộm tượng của bà trong miếu về để thờ. Sau khi thấy mất tượng, người dân thôn Lưu Khê đã cùng nhau dựng một bức tượng mãnh cô Lê Thị Tôn khác để thờ.

Tuy nhiên, sau này do nhiều lý do, người dân Cát Hải đã âm thầm mang trả thân tượng về miếu cũ. Từ đây miếu Hưng Linh có 2 tượng thờ mãnh cô Lê Thị Tôn. Hay như vị chủ thần miếu Vòng Đê làng Hải Yên là 1 trong 5 công chúa nhà Tống (Trung Quốc) chạy loạn về đây. Một số vị chủ thần khác đều là những người buộc phải chết để cúng tế thủy thần nhằm giúp việc hạ long hàn thủy đê được thành công. Đó chính là 3 cô gái đàn hay hát giỏi ở miếu Cống Vòng Cẩm La, hay vợ chồng ông lão hát xẩm ở miếu Cống Lái Vị Khê...

Có thể nói ở vùng đất Hà Nam, hệ thống đình, đền, miếu chính là nơi phản ánh rõ nhất tín ngưỡng biển của cư dân. Nó chính là những "điểm tựa tinh thần", tạo nên niềm tin cho người dân trước một biển cả bao la, rộng lớn

### 2.2.2.Đền Bà Men

Giống như phổ biến các lễ hội văn hoá truyền thống của người Việt, lễ hội đền Bà Men của ngư dân làng chài trên Vịnh Hạ Long có đủ 2 yếu tố: Lễ và hội mang đậm tính dân gian. Tuy nhiên, điểm khác biệt nằm ở chỗ thay vì chính quyền, ngành chức năng, lễ hội đền Bà Men hoàn toàn do ngư dân tự tổ chức; và độc đáo hơn ở chỗ lễ hội thuộc Quang Ninh nhưng “Ban tổ chức” và điều hành lại là người... Hải phòng

Đền Bà Men nằm trên 1 đảo đá thuộc quần thể đảo Đầu Bê- điểm cực nam của ranh giới di sản thế giới Vịnh Hạ Long tiếp giáp với Cát Bà và đại dương bên ngoài.

Lễ hội đền Bà Men thu hút đông đảo ngư dân tham gia. Theo truyền thuyết của ngư dân, cách đây khoảng trên 200 năm, ở vùng ven biển miền Trung xa xôi có 7 chị em ruột nọ chèo thuyền đi chơi trên biển không may gặp cơn giông, thuyền lật khiến họ chết đuối và xác bị sóng cuốn trôi dạt lên phía Bắc. Xác của người chị cả dạt vào Cát Bà (nay thờ ở đình Cát Bà), người thứ hai nay thờ ở đình Gót (cũng thuộc Cát Bà), người thứ ba thờ ở đền Bà Men...

Theo các ngư dân thì đền Bà Men rất thiêng, trước khi đi biển họ thường tới đây thắp hương và thả đèn linh ứng. Đền Bà Men (tương truyền là tên của bà) được xây dựng từ nguồn công đức của ngư dân và khách thập phương, có đủ bái đường, hậu cung và hệ thống sân, vườn khá đẹp. Lễ hội đền Bà Men được duy trì tổ chức cách đây khoảng 10 năm và các quy định, thể lệ của lễ hội hoàn toàn do các ngư dân định ra.Sau khi hoàn thành các nghi lễ, người dân thường đốt mô hình thuyền để cầu cho một năm mới trời yên, biển lặng

Ngày 19 tháng Giêng- tức hôm trước của lễ hội chính, đông đảo ngư dân quanh vùng (cả bên Cát Bà) đã sắm lễ đến tế vào đền. Ngoài xôi, gà, rượu, hoa quả, bánh kẹo... trong lễ không thể thiếu mía, khoai lang dùng để cúng chúng sinh (giống như người trên bờ cúng bằng cháo). Kết thúc phần tế là nghi lễ hoá vàng chiếc thuyền giấy mà các ngư dân đã gửi gắm ở đó bao ước nguyện một năm biển êm, sóng lặng, ra khơi gặp nhiều tôm cá; mọi người, mọi nhà mạnh khoẻ, may mắn...



Ngày chính hội (20 tháng Giêng), ngay từ sáng sớm, các tàu của ngư dân đã kéo về đỗ ở khu vực trước đền để chuẩn bị xem cuộc thi bơi chải giữa các làng chài quanh vùng. Cũng giống như mọi năm, 4 đội chải tham gia cuộc đua năm nay gồm: Vạn Giá (tên cũ của Cửa Vạn- theo cách gọi của ngư dân), Kỳ Đà- Công Đàm, Hà Nam- Hồ Ba Hầm và đội khách mời là Cao Minh, thuộc xã Cát Hải (Cát Bà). Các đội sẽ bốc thăm, chia cặp đấu chọn đội nhất vào thi chung kết. Phần thi đua thuyền chải thu hút được sự cổ vũ của đông đảo ngư dân tham gia lễ hội. Điểm khác biệt là lễ hội đền Bà Men không hề có sự tham gia của chính quyền, ngành văn hoá hay tổ chức, đoàn thể nào trong vai trò tổ chức, quản lý. Chưa hết, rõ ràng lễ hội đền Bà Men là của QuảngNinh ấy nhưng “ban tổ chức” lại đều là người... Cát Bà, gồm “trưởng ban” là ông Nguyễn Văn Miên- ngư dân Cát Bà vốn làm thủ nhang của đền những năm qua và “phó ban” là ông Nguyễn Văn Đợ cũng là 1 ngư dân Cát Bà. 12 giờ 30 phút, cuộc đua vòng loại bắt đầu. Theo quy định, mỗi chải gồm 12 tay chèo và 1 người cầm lái. Trong đó, vị trí người cầm lái là rất quan trọng nên đó phải là những người giàu kinh nghiệm. Theo thể lệ, đường bơi chải xuất phát trước cửa đền tới dãy đảo phía trước (khoảng 400m) rồi quay lại nơi xuất phát. Đội nào về đích trước là thắng. Lễ trao giải diễn ra ngay trước cửa đền. Tiền thưởng được trích từ quỹ công đức của đền. Rất mộc mạc, dân dã, ông Miên vai đeo loa, đôi chân dính đầy cát trao tiền mặt (không cần phong bì) cho đội trưởng các đội: nhất được 3 triệu đồng, nhì 1,5 triệu đồng và đồng giải 3 là 1,5 triệu đồng. Ra về, mọi người bất kể kẻ thắng, người thua đều bắt tay nhau vui vẻ, cùng hẹn đến mùa lễ hội sau. Nhìn một cách tổng thể, lễ hội đền Bà Men cũng hội đủ các yếu tố cần thiết của một lễ hội truyền thống, mang đậm tính dân gian, tín ngưỡng vùng biển, thể hiện ước vọng của ngư dân các làng chài về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc; lòng biết ơn tổ tiên và tạo không khí phấn khởi trong lao động, sản xuất.

### **2.2.3. Lễ hội rước nước**

Lễ hội này đã tái hiện lại những nét đẹp văn hoá, đặc trưng của một vùng đất một vùng biển vốn giàu cảnh quan và thơ mộng. Đậm chất văn hoá biển. Đình

Giang Võng có lịch sử lâu đời. Xưa ngư dân thuỷ cư làng Giang Võng (nay thuộc phường Hà Khánh, TP Hạ Long) dựng đình ở phía Nam một bán đảo nhỏ (gọi là Cái Đá) nhô ra Vịnh Cửa Lục. Vì vậy đình Giang Võng còn được gọi là đình Cái Đá. Đình được xây vào khoảng cuối thế kỷ XIX. Ngoài thờ thành hoàng, thánh, 7 cụ tổ của 7 dòng họ lớn trong làng... đình còn là nơi thể hiện tín ngưỡng thờ thần biển, thờ các đức thánh Trần có công bảo vệ vùng biển Đông Bắc. “Linh hồn” của lễ hội đình Giang Võng là nghi lễ rước nước. Đây là một nghi lễ độc đáo, hiếm thấy trong các lễ hội của cư dân miền biển trong tỉnh như ở vùng Trà Cổ, Quảng Yên... Lễ hội này mang ý nghĩa báo cáo với các thần linh, thành hoàng làng, tổ tiên về công việc của gia tộc, làng xóm. Song ý nghĩa lớn vẫn là để tưởng nhớ tới công ơn Đức thánh Trần (Hung Nhượng Vương Trần Quốc Tảng, Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn...). Lễ rước được diễn ra trong không khí trang trọng từ không gian đình Giang Võng ra tới vùng sông Bang lịch sử. Kiệu rước nước mang theo một bình gốm lớn để đựng nước thiêng được hộ tống bởi các đội trống, kèn, đội rồng lân rực rỡ dẫn đường. Tới đầu bên nước sông Bang, kiệu rước nước lại được chủ tế và các bô lão trong đoàn trình trọng chuyển xuống thuyền rồng lớn. Đoàn thuyền rồng hàng chục chiếc theo sau là thuyền của ngư dân, thuyền của người trẩy hội... tiếp tục rước kiệu trên sông trong tiếng nhạc lễ, đàn sáo. Địa điểm được lựa chọn để lấy nước thiêng là giữa dòng sông Bang, nơi có dòng thuỷ lưu trong, có nguồn nước tinh khiết nhất. Sau khi làm các thủ tục xin phép thần linh, nước thiêng sẽ được một bô lão đức độ trong làng đại diện múc vào bình và chuyển về thờ ở vị trí trang trọng nhất ở đình. Tất cả các nghi thức đều diễn ra trong không khí trang nghiêm, với hàng trăm nam thanh nữ tú, trẻ khoẻ được chọn lựa kỹ lưỡng trong làng...

Thạc sĩ văn hoá Cao Đức Bình (Sở VH-TT&DL) người nghiên cứu và phục dựng lễ hội này cho biết: Đây là lễ hội rước nước độc đáo và cũng là duy nhất trong tỉnh. Nó thể hiện tín ngưỡng thờ thần biển, cầu no ấm hạnh phúc, yên bình cho những người dân gắn cuộc đời nơi sóng nước. Theo ông Hoàng Quốc Thái, Phó Giám đốc Sở VH-TT&DL, Phó Trưởng Ban Quản lý dự án “Phục dựng, bảo

tồn và phát huy một số sinh hoạt văn hóa dân gian của ngư dân làng chài Cửa Vạn (Vịnh Hạ Long)” thì việc phục dựng lại lễ hội đình Giang Võng cũng như lễ rước nước có một ý nghĩa hết sức quan trọng, nhằm bảo tồn và phát huy vốn văn hóa dân gian, tín ngưỡng đi biển của người dân làng chài. Trong lễ hội du lịch Hạ Long năm nay dự kiến sẽ tái hiện, quảng bá để người dân trên khắp cả nước được biết về lễ rước nước trong lễ hội đình Giang Võng ở Hạ Long. Mặt khác việc phục dựng lễ hội cũng là yếu tố bổ sung hồ sơ đề nghị tổ chức UNESCO công nhận giá trị văn hóa Vịnh Hạ Long.

#### 2.2.4. Đền Bà Đé

Đền Bà Đé nằm ở chân núi Độc, thuộc phường Ngọc Hải, Quận Đồ Sơn, Tp. Hải Phòng. Đền Bà Đé là một trong những đền nổi tiếng về danh thắng và linh thiêng.

Đền thờ bà Đé - vợ chúa Trịnh Giang. Đền bà được vua Tự Đức về thăm và ban sắc phong “Đông Nhạc Đé Bà - Trịnh chúa phu nhân”. Đền có cấu trúc giản dị nhưng thanh thoát và trang nhã, nép mình vào lưng núi, trước mặt là biển khơi bao la, tạo nên một kỳ quan thiên nhiên độc đáo không thua gì “Nam thiên đệ nhất động - Chùa Hương”.

Như bao đình chùa, miếu mạo ở nước ta thường được hình thành bắt nguồn từ một sự tích. Tương truyền vào năm 1718, ở phía đông nam vùng Ngọc Đồ Sơn có đôi vợ chồng họ Đào, đã hai mươi năm không có con. Hai vợ chồng tu thân, tích đức, cầu xin trời phật cho một mụn con. Trời phật động lòng, chứng giám, rồi báo mộng cho người vợ được mang thai. Tròn ngày, tròn tháng, đưa bé ra đời và được đặt tên là Đào Thị Hương. Từ khi sinh ra, người đứa trẻ đã tỏa hương thơm ngát, phát ánh hào quang và đi đến đâu cũng có làn mây che đến đó. Càng lớn lên đứa trẻ (Bà Đé) càng xinh đẹp, lộng lẫy. Bà Đé rất khéo tay, siêng năng mọi việc. Hàng ngày bà đi chăn trâu, cắt cỏ, tay làm, miệng hát, tiếng hát ngân vang cả núi rừng. Người ta nói rằng, tiếng hát của bà làm chim ngừng hót, sóng ngừng vỗ, đất trời lặng đi để lắng nghe.

Vào năm 1736, chúa Trịnh Giang về kinh lý Đồ Sơn. Chúa cùng đoàn người dạo thặng cảnh bằng thuyền rồng trên núi Độc. Xúc động trước tiếng hát mượt mà, chúa truyền cho quân lính đi tìm người hát. Khi gặp được bà với vẻ đẹp nghiêng nước nghiêng thành, chúa yêu mến và quyến luyến không rời. Khi về kinh đô, chúa có hẹn ngày về đón bà.

Bà mang thai, trong lòng rất lo sợ, ngày đêm trông ngóng thuyền hoa của chúa. Hàng Tổng biết chuyện đòi phạt tiền. Nhà nghèo không có tiền nộp phạt, hàng tổng đem bà ra khu núi Độc rồi dìm bà xuống biển.

Trước khi chết, bà ngửa mặt lên trời khóc than rằng: "Phận gái thân cô, gặp chúa yêu thương tôi đâu dám chống, nhìn mẹ cha, hàng xóm tôi đâu dám quên. Xin trời phạt chúng giám cho lòng con. Khi con bị dìm xuống nước, nếu có oan ức, trời phạt cho con nổi lên ba lần".

Quả nhiên bà nổi lên ba lần, mọi người ai nấy đều kinh sợ. Sau một tháng, thuyền hoa của chúa về rước bà về kinh. Biết chuyện oan khuất, chúa Trịnh Giang cho xây đền, lập đàn giải oan cho bà. Đền bà được vua Tự Đức về thăm ban sắc phong: Đông Nhạc Đế Bà - Trịnh chúa phu nhân.

Người đời sau thương tiếc và khâm phục lòng thủy chung của bà. Nhiều danh nhân đã đề thơ ca ngợi:

*"Lòng sáng như băng trời đất biết  
Nỗi niềm thành kính quý thân hay  
Đế Bà hương lửa nghìn thu ấy  
Để giải hồn oan cõi thế này"*

Từ bấy đến nay, khách thập phương tấp nập trẩy hội đền Bà Đế. Người ta đến để xin tài, xin lộc và đặc biệt cùng bà giải mọi nỗi oan khuất mà mình gặp phải.

Lễ hội đền Bà Đế được mở vào đầu tháng giêng kéo dài cho đến tháng 3 xuất phát từ nhu cầu giải tỏa những khuất khúc trong đời sống tâm linh của cộng đồng. Lễ hội chính của đền Bà Đế được diễn ra vào các ngày 24,25,26 tháng 2 âm lịch hàng năm. Đối với người dân Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh và các vùng khác thì sau dịp tết nguyên đán đền Bà Đế lại là một địa chỉ một tín ngưỡng không thể không đến.

Dân làng thờ đền Bà Đế như thờ một vị thành hoàng của vùng biển Đồ Sơn thể hiện tín ngưỡng biển vô cùng độc đáo của ngư dân vùng này.

### **2.2.5.Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn**

Hải Phòng - vùng đất có truyền thống văn hoá với nhiều di tích lịch sử và danh thắng mang đặc trưng của miền biển. Trong những di sản văn hoá ấy, nổi bật là lễ hội chọi trâu Đồ Sơn. Đây là hình thức sinh hoạt văn hóa xuất hiện từ lâu và riêng có ở Đồ Sơn, là một sinh hoạt văn hoá, tôn giáo, nghệ thuật truyền thống phản ánh cuộc sống vật chất và tâm linh của cộng đồng . Có thể nói, hội chọi trâu Đồ Sơn là một lễ hội mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam.

#### *Bản sắc văn hoá và tinh thần thượng võ của người dân miền biển Hải Phòng*

Theo truyền thuyết và thần tích thì lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn là lễ hội cầu thịnh vượng và hạnh phúc cho người dân địa phương có từ thế kỷ thứ 18. Qua các truyền thuyết và thần tích ở Đồ Sơn thì những vị tổ đầu tiên lập nghiệp đã chọn nghề đánh cá. Trong cuộc đấu tranh sinh tồn thừa sơ khai, con người tự tìm một đáng quyền uy linh thiêng làm chỗ dựa. Người dân Đồ Sơn vẫn truyền nhau sự tích lễ hội chọi trâu: Một đêm rằm tháng 8, dân miền biển Đồ Sơn nhìn thấy một tiên ông đang say sưa ngắm hai chú trâu chọi nhau trên những con sóng bạc.

Giác mơ gặp tiên ông xem cặp trâu chọi nhau trên bãi biển và vết tích "Điềm tước đại vương" là điềm lành cho các vạn chài ở đây. Họ tôn vinh thần chim biển trừ diệt loại cá kình hung dữ, giúp dân yên ổn làm ăn là thành hoàng. Người dân đã thờ thần ở đền Nghè và gọi ngài là thần Điềm Tước - vị thành hoàng của ngư dân Đồ Sơn. Khi làm lễ tế thần, bỗng có hai chú trâu đến chọi những pha đấu đẹp mắt trước cửa đền. Người dân tin rằng thần thích xem chọi trâu, bèn duy trì việc chọi trâu hằng năm và nâng lên thành lễ hội.

Từ đó, Hội chọi trâu trở thành nguồn cội trong đời sống tâm linh người Đồ Sơn. Thời điểm chính mở hội là ở bước chuyển từ vụ cá nam sang vụ cá bắc, là lúc ngư nhân ít mưa bão.

*"Dù ai buôn đâu, bán đâu*

*Mông chín tháng tám chọi trâu thì về*

*Dù ai bận rộn trăm bề*

*Mông chín tháng tám nhớ về chọi trâu"*

Từ nguồn gốc ấy có thể thấy rằng lễ hội chọi trâu có một ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống người Đồ Sơn từ xưa tới nay. Ngoài nhu cầu vui chơi, tìm hiểu, qua lễ hội người ta tưởng nhớ đến công ơn của các vị thần, duy trì kỷ cương làng xã, để cầu nguyện cho "nhân khang, vật thịnh".

Chọi trâu không chỉ đơn thuần "hai con trâu chọi" mà nó đã trở thành tục lệ, tín ngưỡng độc đáo ở vùng biển Đồ Sơn. Người dân đặt vào lễ hội niềm tin và hy vọng bởi những cặp trâu chọi sẽ quyết định thắng thua, thành bại cho phe giáp ngày trước, phường xã ngày nay. Người Đồ Sơn gắn lễ hội chọi trâu với việc thờ cúng thành hoàng làng với mong muốn những chuyến đi biển thuận buồm xuôi gió, cho nên ngày Hội càng trở nên thiêng liêng, trang trọng. Vào Hội, mọi người được dịp hoà mình vào cộng đồng để tình cảm kết nối bền chặt, gắn bó hơn. Vì thế mà tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng cũng được duy trì, khẳng định.

Người vùng biển đã gửi gắm tinh thần và ý chí của mình vào những "kháp đấu" giữa các "ông trâu". Mỗi "ông trâu" trên xới đấu thắng thua ra sao sẽ chứng tỏ tài năng của các ông chủ trâu, của phường xã mình. Như vậy các "kháp đấu" giữa những ông trâu đã trở thành nghệ thuật, có tính biểu tượng sinh động, thể hiện bản sắc văn hoá. Như vậy chọi trâu đã nói hộ tính cách của người dân vùng biển, nó đã được định hình từ lâu với nội dung phong phú gồm nhiều yếu tố văn hoá dân gian, lành mạnh kết tinh của cả một vùng văn hoá ven biển mà Đồ Sơn là trung tâm. Đây là một lễ hội độc đáo của người dân Đồ Sơn, nó gắn liền việc thờ cúng thuỷ thần với nghi lễ chọi và hiến sinh trâu, có cả sự giao thoa giữa những yếu tố văn hoá nông nghiệp đồng bằng với văn hoá cư dân ven biển.

Lễ hội chọi trâu của người dân thị xã Đồ Sơn được tổ chức vào 9/8 âm lịch hàng năm.

Các cụ già trong làng kể lại, cứ vào tháng tám, khi lúa ngoài đồng vào thì con

gái, ngư dân cũng vừa kết thúc mùa cá, thì người dân Đồ Sơn bắt đầu chuẩn bị cho lễ hội chọi trâu.

Lễ hội chọi trâu cũng như nhiều lễ hội khác có hai phần, phần lễ và phần hội đan xen.

Phần lễ vẫn giữ nguyên những nghi thức truyền thống với các nghi lễ trang trọng, mở đầu là lễ tế thần Đỉnh Tước, sau đó là lễ rước kiệu bát cống, long đình cờ thần bay phấp phới, rộn rã trong tiếng nhạc bát âm dẫn trâu đi trình thành hoàng làng.

Phần lễ chủ yếu diễn ra trước phần hội mấy ngày trong một thế giới tâm linh kỳ diệu. Trước kia, lễ tế thần diễn ra ở tất cả các giáp của tổng Đồ Sơn với sự linh đình về vật lễ tế cũng như

các thủ tục hành lễ. Giờ đây, việc tế thần được tổ chức ở từng phường xã, đa phần là do các già làng làm chủ lễ, để cầu xin khí thiêng của sông núi, đất trời và vùng biển này cho được thắng cuộc chọi trâu ngày hôm sau.

Phần hội diễn ra vào chính hội (9/8) với nhiều hoạt động mang đậm bản sắc dân tộc. Các ông trâu sau khi làm lễ tế thần được mang ra chọi, theo tập tục của từng địa phương các trâu mang ra trọi dù thắng hay thua đều phải giết thịt. Ngày mùng 10 là ngày các làng mổ trâu lấy một bát tiết với một ít lông của trâu để cúng thần. Trong phần hội thì điệu múa khai hội được 24 tráng niên của làng chia thành hai hàng trình diễn vừa uyển chuyển, vừa mạnh mẽ, màu sắc biến hoá linh hoạt và huyền ảo trong những âm thanh của trống, thanh la. Theo cách nói của các lão làng, tiếng trống, tiếng thanh la có tác dụng tạo không khí trong sân bãi thúc giục các “ông trâu” thi đấu thêm phần quyết liệt. Tiếng trống phải to, người đánh trống phải có sức dẻo dai, đồng thời phải biết cách đánh trống sao cho những tiếng “tùng, tùng, cắc, cắc-cắc, tùng, tùng” quyện vào nhau lúc khoan thai, lúc dồn dập cao trào như khích lệ các “ông trâu” phải làm cho ra nhẽ cái sự thắng thua.

Ngày hội chọi trâu không chỉ mang lại niềm vui cho mọi người, mà còn là một thú chơi lắm công phu, từ việc chọn trâu, mua trâu, nuôi trâu đến luyện trâu cũng là cả một sự kiên trì, kỳ công. Trâu tham gia hội thi phải được những người dày kinh nghiệm chọn kỹ và chăm nuôi

Một nét độc đáo của Hội chọi trâu Đồ Sơn là dù thắng hay thua, sau khi kết thúc lễ hội, các trâu đều được mổ thịt tế lễ trời đất, cầu mùa màng thuận hoà. Người ta cũng tin rằng, nếu được ăn thịt trâu chọi trong dịp lễ hội, sẽ gặp nhiều điều may mắn.

Lễ hội trọi trâu mang đậm những tín ngưỡng đi biển của cư dân làng chài nơi đây với những nét riêng biệt rất độc đáo.

### **2.2.6.Lễ hội Đảo Dấu**

Đảo dấu cách đất liền 2 km và được nhiều người biết đến bởi nơi đây còn có bảo tồn , lưu giữ được nhiều di tích phản ánh truyền thống tín ngưỡng của cư dân miền biển như ngôi đền thờ Nam Hải Thần Vương, truyền thống đấu tranh đánh giặc ngoại xâm của ngọn hải đăng hòn dấu thời kháng chiến chống mỹ... bên cạnh đó cảnh quan thiên nhiên trên đảo còn được bảo tồn nguyên vẹn, với hàng trăm cây đa , cây si...

Năm 2009 đảo dấu được bộ văn hóa thể thao và du lịch công nhận và xếp hạng di tích danh lam thắng cảnh cấp quốc gia.Đến đảo dấu ngoài thắp hương cầu may tại đền thờ “Nam Hải Thần Vương” du khách còn có thể thả bộ neo núi lên thăm quan đền biển hòn dấu...

Theo sự tích xưa kể lại vào thời chống quân nguyên xâm lược ,một đêm những ngư dân đồ sơn đang đánh cá thì phát hiện một xác người cụt đầu , mình mặc áo giáp trụ trôi dạt vào đảo .Nhìn y phục đây là một vị tướng nhà trần bị tử trận .Thi hài vị tướng được ngư dân đưa lên bờ khâm niệm, định chờ trời sáng sẽ đưa đi chôn cất .Nhưng sáng hôm sau khi những người dân chài đưa lên bờ khâm niệm thì thấy môi đã ùn thành mộ .Để ghi nhớ công ơn của vị tướng với dân với nước, dân chài đồ sơn đã lập đền thờ người anh hùng và lấy tên là “Nam Hải Thần Vương”

Vào thời lê sơ , vua lê ngự giá kinh lý vùng đồ sơn và nghỉ đêm trên đảo dấu .Lúc ngủ nhà vua nằm mơ thấy một ông già râu tóc bạc trắng , vai đeo chiếc giỏ đến cạnh và xưng là thần đảo .Sáng hôm sau lên thuyền nhà vua kể lại câu chuyện cho những người cùng đi và nói “ nếu là thần đảo hãy cho ta một báo ứng “ vừa dứt lời một con cá quẫy mạnh nhảy lên thuyền , thấy linh nghiệm nhà vua bèn



phong cho tước hiệu thần vương và truyền cho dân địa phương tu sửa đền miếu phụng thờ.

Hằng năm, từ mùng 8 đến 10 tháng 2 (âm lịch) là lễ hội đảo Dấu - lễ hội truyền thống của người đi biển vùng duyên hải Bắc Bộ. Ngư dân khắp nơi kéo về đảo Dấu cúng lễ, cầu xin Nam Hải thần vương cho một năm đi biển yên bình, đánh được nhiều tôm cá. Đền thờ Nam Hải thần vương nằm sát bờ biển, núp dưới những tán đa cổ thụ, nhỏ bé và đơn giản, sự thành kính bao trùm qua khói nhang nghi ngút quanh năm. Trong các ngày lễ hội, ngày mùng 9 là ngày chính hội, với phần lễ đặc trưng là tục rước đèn về đêm và tế lễ, thả thuyền giấy. Theo người Đồ Sơn, rước đèn về đêm là rước thần hiển linh để phù hộ cho nhân dân trong vùng. Lễ rước đèn bắt đầu từ 23 giờ đến sáng. Cho dù trong tiết tháng 2 sóng biển nổi lên rất mạnh nhưng người dự hội vẫn thấp đèn trên biển. Đêm ấy, cả đảo Dấu lung linh trong ánh lửa từ những ngọn đèn và trong ánh lửa, người đồ Sơn muốn gửi gắm ước mơ của mình vào thiên nhiên, vào cõi tâm linh mong cho những chuyến đi biển về khoang thuyền đầy ắp cá, tôm. Nhân dân Đồ Sơn vẫn đến đây để cầu mong trời yên biển lặng, đánh bắt bội thu, bình an trên biển. Lễ hội này đã gắn liền với những tín ngưỡng, lễ hội của ngư dân vùng biển nơi đây.

### **2.2.7. Lễ hội làng cá Cát Hải \_ Hải Phòng**

Cư dân huyện đảo Cát Hải có nguồn gốc từ nhiều nơi đến, chủ yếu thạo nghề sông nước ở Thái Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Hải Dương... Từ trước 1978, còn có nhiều cư dân người Hoa cư trú, làm ăn sinh sống. Sách Đại Nam nhất thống chí ghi chép về Cát Hải xưa:” Dân có tục ương ngạnh, ít văn hoá, đất nhiều chua mặn, dân làm nghề đi đánh chài, đi buôn, mỗi lợi nhờ núi, biển...”. Từ xa xưa, cư dân Việt cổ đã từng cư trú ở đây, dấu vết để lại qua các di chỉ: Cái Bèo, Eo Bùa, Hiền Hoà...

Đặc điểm nổi bật trong văn hoá dân gian của huyện đảo trước Cách mạng tháng Tám 1945 là ngày Hội xuống nước ở các làng Chài, cùng nhiều trò chơi gắn liền với việc đánh bắt cá như: thi bơi thuyền mảng, đua thuyền thúng trên biển...

Kế thừa phát huy những tinh hoa văn hoá dân gian nảy sinh từ cuộc sống lao động, sản xuất của nhân dân huyện đảo cát hải, ngày nay, những trò vui chơi, thi đấu trên sóng biển ở Cát Hải thực sự là những ngày hội lớn. Ngày hội kết hợp hài hoà chương trình đặc sắc nhất trong giao lưu văn hoá, thể thao giữa huyện đảo Cát Hải với các huyện lúa ngoại thành Hải Phòng và tỉnh bạn Quảng Ninh.

Ngày hội làng Cá diễn ra vào ngày 1 tháng 4 hàng năm, ghi nhớ sự kiện ngày 1 tháng 4 năm 1959, Bác Hồ kính yêu về thăm làng Cá Cát Hải, động viên thăm hỏi bà con ngư dân trong công việc chài lưới, làm chủ biển trời quê hương. Từ đó đến nay, ngày 1 tháng 4 hàng năm đã trở thành ngày truyền thống của ngành Thủy sản, ngày khai trương mùa du lịch Cát Bà và cũng là thời điểm ra quân đánh cá vụ Nam của ngư dân huyện đảo. Ngày hội lớn mang nhiều ý nghĩa lịch sử đã diễn ra trọng thể ngay tại vùng đảo Cát Bà. Ngày hội lớn ấy không thể thiếu cuộc thi đua thuyền Rồng trên biển Cát Bà. Bước vào ngày hội, sau phần thủ tục là lễ khai mạc diễn ra trên lễ đài trước bến tàu neo đậu giữa trung tâm. Một nửa nội dung của lễ hội Cát Bà là các hoạt động thi đấu diễn ra trên biển, trọng tâm là cuộc đua thuyền rồng, giữa đội chủ nhà Cát Bà

với các đoàn khách đến từ vùng Duyên Hải Quảng Ninh, Bắc Trung Bộ, cùng những anh em từ vùng lúa Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Thủy Nguyên...

Cuộc đua thuyền rồng trên biển mang ý tưởng chủ đạo: Thuyền rồng từ biển Cát Bà vươn khơi trong thế Rồng Bay của đất nước, nối vòng tay bè bạn, thân ái với mọi miền tổ quốc.

Ngoài cuộc đua thuyền Rồng diễn ra sôi nổi hào hứng từ phút ban đầu đến phút cuối để tìm ra đội vô địch nhận giải của Ban Tổ chức, vẫn có thêm các trò thi phối hợp, biểu diễn lướt ván đua thuyền thúng của cư dân miền Duyên Hải, miền Trung tham dự lễ hội. Điều đặc biệt, tại ngày hội làng cá Cát Bà, hai loại hình thi đấu kéo co và múa rồng trên biển lẽ ra chỉ diễn ra trên đất

liền, thì bây giờ tại ngày hội làng Cá ở huyện đảo Cát Hải đều được đưa xuống biển thi đấu. Trước khung cảnh tấp nập tàu thuyền, sóng biển dập dờn, người tham gia thi đấu được chia làm hai bên, ai nấy đều ở trên thuyền của đội mình, người ở 2 đội thuyền dàn quân, nắm chắc dây co mà kéo về phía của đội

minh. Trong các cuộc thi kéo co trên biển nhiều năm gần đây, đội chủ nhà Cát Bà thường vượt trội trước các đội bạn.

Nét mới nữa trong Lễ hội làng cá Cát Bà, trong cuộc đua thuyền Rồng trên biển, môn thi đấu trọng tâm của lễ hội có cuộc đua tài của các đấu thủ nữ trên cự ly dài 4000m, bên cạnh đường đua của nam giới là 6000m, trong khoảng thời gian 30 phút sôi nổi khẩn trương. Đây thật sự là những hoạt động văn hoá thể thao, rèn luyện tính bền bỉ, kiên nhẫn của từng cá nhân trong một tập thể, đồng thời rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, lòng quả cảm vì màu cờ sắc áo của quê hương. Lễ hội truyền thống hàng năm diễn ra tại trung tâm huyện đảo Cát Hải, nơi có Cát Bà nổi tiếng bởi khung cảnh thiên nhiên ngoạn mục, nằm trong hành lang du lịch Hải Phòng - Đồ Sơn - Đỉnh Vũ - Phù Long - Cát Bà. Vì thế, âm hưởng của lễ hội sẽ ngày một phát huy, bởi nghề các các tỉnh phía Bắc một trung tâm du lịch - dịch vụ của thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Lễ hội làng cá cá Cát Hải không những thể hiện tín ngưỡng của người dân miền biển mà còn thể hiện rõ nét tinh thần thượng võ của người dân nơi đây. Nó là đời sống tinh thần và trở thành một nét đẹp trong cộng đồng.

### **2.2.8. Lễ hội đua thuyền rồng**

Ngày 29-1 (tức mùng 4 Tết Kỷ Sửu), tại Hải Phòng đã diễn ra lễ hội đua thuyền rồng Đồ Sơn thu hút hàng nghìn du khách đến xem. Đây là lễ hội mùa Xuân đầu tiên mở đầu hàng loạt lễ hội dân gian sau Tết Nguyên đán Kỷ Sửu của các địa phương thuộc thành phố Hải Phòng.

Thuyền rồng để vua dùng gọi là "thuyền ngự". Thuyền rồng trong lễ hội dân gian mang ý nghĩa linh thiêng, trang trọng. Đặc biệt, ở những lễ hội thờ các vị anh hùng dân tộc, võ tướng, có công đức thì theo ý niệm dân gian, chính các Ngài đã về "ngự" trên thuyền để việc cầu phúc, cầu sức khỏe, an khang thịnh vượng của người tổ chức hội, dự hội, xem hội được như ý nguyện. Dân đi biển Cát Bà, Cát Hải, Đồ Sơn... thường tổ chức đua thuyền hình rồng khi kết thúc vụ cá Bắc mở đầu vụ cá Nam khoảng tháng 4, 5 dương lịch... tạo thành nét văn hóa biển độc đáo. Dịp

lễ cúng thần nước hay hạ thủy con thuyền cũng là thời điểm đua thuyền của cư dân ven sông, biển.

Ngày 29-1 (tức mùng 4 Tết Kỷ Sửu), tại Hải Phòng đã diễn ra lễ hội đua thuyền rồng Đồ Sơn thu hút hàng nghìn du khách đến xem. Đây là lễ hội mùa Xuân đầu tiên mở đầu hàng loạt lễ hội dân gian sau Tết Nguyên đán Kỷ Sửu của các địa phương thuộc thành phố Hải Phòng.

Cùng với lễ hội chọi trâu, lễ hội đua thuyền rồng là một trong hai lễ hội truyền thống của quận Đồ Sơn được tổ chức hằng năm, khai mở chương trình thu hút du khách đến tham quan, nghỉ ngơi tại khu nghỉ mát nổi tiếng này. Với sự tham gia của hàng trăm chàng trai vạm vỡ ra sức đua chèo, thi lái trên các thuyền rồng của 7 phường của quận, Mặc dù mưa phùn, lạnh giá, xong cuộc đua thuyền rồng đã diễn ra rất sôi động và náo nhiệt cả vùng bãi biển Khu 1 (Đồ Sơn).

Lễ hội đua thuyền rồng là hình ảnh đặc trưng, độc đáo của những người đi biển ở đây cầu mong cho mưa thuận, gió hòa, sóng yên biển lặng trong năm để ngư dân ra khơi đánh cá đầy khoang, làm ăn phát đạt và thể hiện tinh thần thượng võ của người dân nơi đây.

## **2.3.Đánh giá chung**

### **2.3.1.Những mặt tích cực của tín ngưỡng\_lễ hội**

*Tín ngưỡng\_lễ hội thể hiện rõ nét đời sống văn hóa tinh thần của ngư dân miền biển*

Mỗi một vùng miền đều có những giá trị riêng độc đáo và hấp dẫn.Nếu như lễ hội nông nghiệp thể hiện yếu tố riêng mang đậm nét cổ truyền của người dân nông nghiệp như lễ hội xuống đồng...thì đối với ngư dân miền biển tín ngưỡng\_lễ hội lại thể hiện rõ nhất đời sống tinh thần người dân làng chài nơi đây.Trong cuộc sống hằng ngày, mỗi khi chuẩn bị ra khơi đánh cá ngư dân đều tìm đến các di tích tháp hương, dâng lễ để cầu nguyện một mùa đánh bắt bội thu, sóng yên, biển lặng. Chính vì vậy các di tích đền, miếu thờ những vị thần, thờ những người chết đuối hiển linh, thờ thành hoàng làng rất nhiều bảo vệ cuộc sống của họ và hầu như tất cả

các di tích này đều được xây dựng ở gần bờ đê, ven biển...để thuận tiện cho việc thờ cúng.

Ngay cả trong những lễ hội như: lễ mừng thọ của người dân đảo Hà Nam còn có tục thờ long mã, lễ hội đã ăn sâu, bám rễ vào cuộc sống của con người.

Bên cạnh đó lễ hội còn khắc họa sinh động những hoạt động văn hóa của ngư dân thông qua các trò chơi dân gian mang đậm tính cổ truyền như: đua thuyền rồng, kéo co, hội thi làng cá...Sau những ngày tháng lao động vất vả thì lễ hội lại là lúc thể hiện tinh thần vui tươi, lạc quan của ngư dân làng chài

Tín ngưỡng lễ hội không chỉ phản ánh cuộc sống lao động của người ngư dân mà còn được thể hiện ngay trong cả bữa cơm, cuộc sống hằng ngày đó là những kiêng kị của người ngư dân: trong sinh hoạt hằng ngày họ kiêng nói những từ mang tính điềm gở như: lật, đổ, úp...trong khi gắp cá thì người dân lại kiêng lật con cá sang để gỡ...

Như vậy rõ ràng tín ngưỡng lễ hội đã thể hiện rõ nét đời sống tinh thần của ngư dân miền biển và trở thành một nét văn hóa vừa mang yếu tố chung lại vừa chứa đựng trong mình những yếu tố riêng đậm bản sắc của vùng.

#### *Tín ngưỡng lễ hội còn thể hiện tinh thần thượng võ*

Cuộc sống lao động của ngư dân phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố biển, vào việc đánh bắt cá. Trong lao động họ phải đối mặt với những thử thách, khó khăn, hiểm họa sẽ ập tới. Họ luôn sống và hòa nhập với thiên nhiên với gió biển tạo nên cho những con người ấy sự cứng cáp, rắn rỏi, thể hiện sức mạnh của con người. Hay trong thờ cúng các vị thành hoàng làng đã có công khai hoang, qua đê lấn biển tạo dựng lên làng mạc cũng thể hiện sức mạnh của con người trước thiên nhiên. Chính vì vậy mà trong các lễ hội đều thể hiện rõ nét tinh thần thượng võ của ngư dân. Đặc biệt là lễ hội trọi trâu ở Đồ Sơn (Hải Phòng) thể hiện tinh thần thượng võ đậm nét thông qua hình ảnh hai chú trâu đang trọi nhau. Một trò chơi dân gian mà ta thường hay bắt gặp trong hầu hết lễ hội là cuộc đua thuyền rồng trên biển đây cũng là một trò chơi thể hiện rõ nét tinh thần thượng võ này. Đó là sức mạnh của con người trong lao động và sản xuất

*Tín ngưỡng lễ hội thể hiện sự liên kết cộng đồng cao và ý thức giáo dục truyền thống con người*

Trong lao động, đánh bắt hằng ngày con người luôn luôn bận rộn với công việc chính vì vậy khi lễ hội ra đời cũng lúc tạo ra sự gắn kết những con người đó lại với nhau. Họ cùng nhau chia sẻ những khó khăn, buồn vui trong cuộc sống và cũng hết mình tham gia vào lễ hội, tham gia vào các trò chơi dân gian đó không chỉ đơn thuần là vui chơi mà nó còn thể hiện tinh thần đoàn kết để cùng đi đến chiến thắng trong các trò chơi. Họ có thời gian giao lưu, học hỏi kinh nghiệm của nhau. Làm cho mối quan hệ giữa con người với con người ngày càng trở nên thân thiết hơn. Tuy nhiên lễ hội không chỉ đơn thuần liên kết cộng đồng những người dân làng chài nói riêng mà lễ hội còn tạo ra một sự gắn kết cộng đồng người rộng lớn hơn giữa mối quan hệ khách du lịch mọi nơi với người dân bản địa. Như vậy ở đây đã có sự giao thoa về văn hóa, du khách sẽ tiếp thu những văn hóa của ngư dân và ngược lại. Họ cùng làm quen và hòa nhập vào lễ hội tạo nên sự sôi động, nhộn nhịp không khí vui tươi... làm cho đời sống người dân càng trở nên phong phú, đoàn kết và yêu thương, hiểu nhau hơn.

Bên cạnh sự liên kết cộng đồng tín ngưỡng lễ hội còn giáo dục ý thức con người những thế hệ mai sau phải biết yêu thương quê hương, đất nước, những tín ngưỡng, phong tục của làng từ đó phải bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa ấy. Thông qua tín ngưỡng lễ hội đã khắc họa rõ nét đời sống con người từ đó giúp chúng ta hình thành nên nhận thức đúng về những giá trị văn hóa tốt đẹp của làng, nhắc nhở con cháu tưởng nhớ về cha ông với lòng biết ơn sâu sắc những con người đã có công khai dựng lên mảnh đất này.

Ngoài những yếu tố chung ra ta nhận thấy tại các điểm di tích này đã có sự quan tâm của chính quyền địa phương trong việc bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng lễ hội. Sự phục hồi một số lễ hội dân gian đặc biệt là sự phục hồi thành công lễ hội rước nước ở đình Giang Võ cho ta thấy sự gắn kết, quan tâm giữa các chính quyền các cấp.

Các lễ hội ở cả hai vùng đều thu hút rất đông đảo không chỉ người dân địa phương mà rất nhiều khách du lịch trong và ngoài nước tham gia.

Các khu di tích này nhìn chung đã mở rộng địa điểm gửi xe tránh sự ách tắc, hệ thống các nha nghỉ, nhà hàng, các quầy lưu niệm cũng đã được xây dựng. Về phương tiện vận chuyển cũng đã thuận tiện hơn chủ yếu là ô tô và tàu, thuyền...

Các tệ nạn xã hội như ăn xin cũng giảm đi đáng kể, các trò chơi dân gian trong phần hội cũng đã được thêm mới và phong phú hơn. Các giá trị văn hóa trong lễ hội cũng đã được bảo tồn. Một số tuyến đường cũng đã được đầu tư nâng cấp, bên cạnh sự phát triển du lịch tín ngưỡng thì cũng đã có sự kết hợp với các loại hình du lịch khác như du lịch nghỉ dưỡng, du lịch tìm hiểu nghiên cứu...

### **2.3.2. Những tồn tại cần khắc phục**

*Những tín ngưỡng, tính mê tín còn hạn chế sự tiến bộ*

Hiện tượng đốt vàng mã nhiều gây ra sự ô nhiễm môi trường.

ở một số nơi di tích hiện tượng đốt nhang làm hương bay mù mịt cùng với những dòng người gây nên hiện tượng ngột ngạt.

Bên cạnh đó những kiêng kỵ đã không còn phù hợp với thời đại và còn mang màu sắc chủ quan. Đối với ngư dân làng chài khi gặp người chết đuối họ sẽ không cứu bởi vì họ quan niệm rằng người chết đuối đó đã bị Hà Bá bắt đi nếu cứu sống họ thì mình sẽ là người thay thế bị hà bá bắt hay như tục đánh vía khi xuất phát ra khơi.

Có thể nói đây là một kiêng kỵ cổ hủ, không phù hợp với sự phát triển của đất nước

*Những tín ngưỡng\_ lễ hội bị mai một tính truyền thống, pha tạp nhiều cái mới, cái lạ*

Hoạt động du lịch với những đặc thù riêng có của nó dễ làm biến dạng lễ hội truyền thống, vì lễ hội truyền thống dù có đặc tính mở vẫn có những hạn chế nhất định về điều kiện kinh tế, văn hóa- xã hội cổ truyền, vốn chỉ phù hợp với một khuôn mẫu và không gian bản địa. Cho nên khi hoạt động du lịch mang tính liên ngành, liên vùng và xã hội

hóa cao... sẽ làm mất sự cân bằng, dẫn tới sự phá vỡ các khuôn mẫu truyền thống của địa phương trong quá trình diễn ra lễ hội. Bản sắc vùng miền có nguy cơ bị

“mờ” do kết quả của việc giao thoa văn hóa thiếu lành mạnh không thể tránh khỏi đem đến từ phía một bộ phận du khách. Sự du nhập giao lưu văn hóa đông - tây khiến cho một bộ phận giới trẻ từ chối truyền thống và thay đổi cách sống theo một du khách. Nguyên nhân của hiện tượng này là trong hoạt động kinh doanh, người dân bản xứ lấy chuẩn của du khách làm vừa lòng họ nhằm thu hút tối đa lợi nhuận.

#### *Tính thương mại hóa trong lễ hội*

Ở các di tích một điều ta dễ nhận thấy đó là quang cảnh lộn xộn trong các di tích. Ngày thường khung cảnh thường vắng vẻ hơn nhưng khi vào mùa lễ hội thì người và xe khắp nơi đổ về trong khi công tác tổ chức chưa được tốt sẽ gây lên những cảnh hỗn loạn. Ở một số lễ hội tâm linh cũng xảy ra hiện tượng buôn bán thánh, trộm cắp đồ của du khách, Hàng loạt những vấn đề nổi cộm nảy sinh và tồn tại như việc các lễ hội quá chạy theo tính thương mại, biểu hiện ở việc bắt chẹt du khách, bao thầu lễ hội, Vấn đề được quan tâm nhất hiện nay là việc giữ gìn được bản sắc văn hoá riêng của từng lễ hội trước việc lễ hội đang có xu hướng thương mại hoá. Việc tổ chức lễ hội ở không ít địa phương vẫn còn thiên về việc lợi dụng lễ hội để thu lợi chưa chú trọng yếu tố văn hoá truyền thống. các trò chơi không lành mạnh hành vi ứng xử chưa văn hóa đối với lễ hội và di tích như giắt “tiền giọt dầu” vào tay Phật, tượng Phật; hiện tượng bán phát âm, càn lộn, đốt đồ mã, trò chơi mang tính cờ bạc... còn xảy ra ở một số nơi.

#### *Một số vấn đề tồn đọng khác*

Ở các điểm di tích chính thì thu hút rất nhiều khách du lịch còn ở một số điểm du lịch nhỏ lẻ thì chưa đầu tư xây dựng, lượng khách du lịch còn ít hơn thế nữa hầu hết các điểm di tích ở đây chưa có sự liên kết chặt chẽ, cơ sở nhà nghỉ còn chưa đáp ứng được lượng khách quá lớn

Khai thác du lịch tới đâu sẽ làm ảnh hưởng, thay đổi đôi khi làm đảo lộn các hoạt động bình thường của những nơi có tổ chức lễ hội. Du khách với nhiều thành phần lại là những người có điều kiện và nhu cầu khác nhau, hoạt động của họ có thể tác động



không nhỏ đến tình hình trật tự an toàn nơi có lễ hội. Nếu không tổ chức, điều hành, quản lý lễ hội chu đáo sẽ dẫn đến sự lộn xộn trong quản lý, điều hành, xã hội

Chính vì vậy để du lịch tâm linh có sự phát triển đồng bộ và toàn diện thì việc chia sẻ quyền lợi của các cộng đồng nhân dân có các giá trị tâm linh ấy phải được coi trọng và phải được hưởng lợi qua các sản phẩm du lịch. Có như vậy họ mới thấy giá trị của mình và nhiệt tình tham gia vào các hoạt động du lịch góp phần bảo tồn và phát huy được những giá trị văn hóa tâm linh.

#### **2.4. Tiểu kết chương 2**

Nhìn chung các hoạt động tín ngưỡng- lễ hội ở đây đã thể hiện được đời sống văn hóa, tâm linh của người dân vùng biển Hải Phòng – Quảng Ninh qua một loạt các di tích như đền, miếu thờ..., các lễ hội dân gian mang đậm tinh thần thượng võ, Nó trở thành một món ăn tinh thần không thể thiếu trong cuộc sống của của ngư dân. Đây sẽ là một nguồn tài nguyên để phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh. Tuy nhiên bên cạnh đó thì việc khai thác các giá trị này chưa thật sự tiệm xúng với tài nguyên của vùng, các lễ hội còn mang tính bộc phát, chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa các vùng có nguồn tài nguyên. Chính vì vậy cần đề ra những biện pháp hữu ích, thực tiễn để khai thác bền vững nguồn tài nguyên này.

---

**CHƯƠNG III. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM GẮN VĂN HÓA VỚI TÍN  
NGƯỠNG\_LỄ HỘI ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

**3.1. Quán triệt quan điểm của đảng ta về tôn giáo và tín ngưỡng**

Sự phát triển của tôn giáo, tín ngưỡng đóng một vai trò nhất định đối với sự phát triển của dân tộc, của mỗi quốc gia. Chính vì vậy tư tưởng nhất quán xuyên suốt của đảng và nhà nước Việt Nam là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, đoàn kết tôn giáo, hòa hợp dân tộc. Ngày 14/6/1955 chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh 234-SL ban hành chính sách tôn giáo của chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa trong đó ghi rõ: “việc tự do tín ngưỡng thờ cúng là một quyền lợi của nhân dân. Chính quyền dân chủ cộng hòa luôn tôn trọng quyền lợi ấy và giúp đỡ nhân dân.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam đảng ta luôn có quan điểm, thái độ rõ ràng về tín ngưỡng, tôn giáo. Trong báo cáo chính trị tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 3 của đảng năm 1991 đã khẳng định: “tín ngưỡng, tôn giáo là một nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, thực hiện quyền bình đẳng đoàn kết giữa các tôn giáo”

Hay trong cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cũng ghi rõ: tín ngưỡng, tôn giáo là một nhu cầu của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, đồng thời chống việc lợi dụng tín ngưỡng làm tổn hại đến lợi ích của tổ quốc và nhân dân. Tự do tín ngưỡng là một quyền nhân thân cơ bản của công dân cũng được đề cập trong bộ luật dân sự, được bảo vệ bằng pháp luật và được cụ thể hóa trong các văn bản quy phạm pháp luật ngày càng ở mức độ cao hơn, hoàn thiện hơn.

Quan điểm về tín ngưỡng, tôn giáo của đảng ta còn được thể hiện qua những luận điểm sau:

*Một là đảng ta khẳng định tín ngưỡng, tôn giáo là một vấn đề tồn tại lâu dài.* Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, các nguồn gốc nảy sinh tôn giáo vẫn tồn tại và tác động thường xuyên tới sự phát triển của các tôn giáo. Do không nhận thức đúng

đến quy luật này, cộng với những mặc cảm, định kiến về tôn giáo nên trước đây đã có nơi, có lúc chúng ta chủ trương biện pháp đối xử thô bạo với tôn giáo, tìm cách thu hẹp hạn chế các hoạt động tôn giáo. Vì vậy đã gây căng thẳng giữa chính quyền với tôn giáo, làm mất lòng tin của quần chúng tín đồ, chức sắc tôn giáo với đảng và nhà nước.

Để chấn chỉnh, khắc phục những lệch lạc trên, một số nghị quyết của bộ chính trị, ban chấp hành trung ương đảng khẳng định : “tín ngưỡng, tôn giáo sẽ cùng tồn tại với dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta” quan điểm này là cơ sở cho việc xem xét, giải quyết các vấn đề tôn giáo ở nước ta hiện nay, đòi hỏi chúng ta phải có thái độ bình tĩnh, khách quan khi xem xét, giải quyết các hoạt động tôn giáo, đảm bảo các tôn giáo ở Việt Nam sinh hoạt một cách bình thường, tuân thủ pháp luật, đồng hành với dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Quan điểm này cũng yêu cầu các cấp, các ngành và mọi cán bộ đảng viên phải khắc phục tư tưởng chủ quan, nóng vội trong giải quyết vấn đề liên quan đến tôn giáo nói chung với hoạt động tôn giáo nói riêng.

*Hai là, tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân*

Đảng luôn thực hiện nhất quán chính sách tôn giáo và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng. Chống mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng.

*Ba là, đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với sự nghiệp xây dựng xã hội mới.* Trong quá trình ra đời, tồn tại và phát triển tôn giáo nào cũng có hai mặt tích cực và tiêu cực. Mặt tích cực thể hiện ở chỗ răn, dạy tín đồ hướng thiện, làm điều lành tránh điều ác. Còn mặt tiêu cực thể hiện ở chỗ làm cho con người sống an phận và bất chấp sự ăn bài thậm chí còn hạn chế họ tham gia vào cải tạo xã hội.

*Bốn là công tác tôn giáo vừa phải quan tâm giải quyết hợp lý nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo của quần chúng vừa phải kịp thời đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo phá hoại cách mạng.*

*Năm là nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng, công tác đối với con người.* Trong công tác này phải quan tâm đến lợi ích thiết thân, chính đáng của quần chúng tín đồ nói chung, chức sắc, chức việc nói riêng làm cốt lõi...

*Sáu là làm tốt công tác đối với tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do đảng lãnh đạo.*

Quan điểm, chính sách của đảng đối với tín ngưỡng tôn giáo tiếp tục được khẳng định và phát triển phù hợp với sự nghiệp đổi mới của dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng theo hoặc không theo tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo theo đúng pháp luật.

Những quan điểm trên của đảng ta từ những ngày thành lập cho đến nay đều chứng minh rằng đảng ta luôn coi trọng quyền tự do, tín ngưỡng là một nhu cầu quan trọng của con người, là một trong những quyền công dân, quyền chính đáng của con người. Chính vì vậy đảng ta luôn coi trọng đức tin của đồng bào theo những tín ngưỡng khác nhau. Pháp lệnh về tín ngưỡng tôn giáo ra đời là một minh chứng, một bước tiến và một lần nữa tiếp tục được khẳng định nguyên tắc nhất quán trong chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước Việt Nam. Thực tế cho thấy những chủ trương, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng không phải chỉ được khẳng định trong hiến pháp, pháp luật hay chỉ thị, nghị quyết của đảng mà được thể hiện sống động trong cuộc sống hằng ngày.

Có thể nhận thấy rằng do sự hòa trộn giữa các niềm tin khác nhau mà ở nước ta có sự hỗn dung về tín ngưỡng, thế nhưng ở Việt Nam không hề xảy ra sự xung đột về tín ngưỡng, cũng không hề xảy ra sự tranh chấp quyền lực hay tranh giành thần linh của nhau. Các tín ngưỡng đều chung sống hòa bình với nhau đó cũng là nhờ vào đường lối, chủ trương của đảng ta về tôn giáo tín ngưỡng, luôn chủ động quan tâm, chăm lo tôn trọng và đảm bảo thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng lành mạnh của quần chúng cũng giống như tôn trọng sức khỏe, quyền lợi khác của con người đó là vấn đề cốt lõi mà đảng ta luôn quán triệt trong thực tế.

## **3.2. Những giải pháp chung**

### **3.2.1. Quan tâm đến du lịch văn hóa tâm linh**

Hải Phòng\_ Quảng Ninh là hai vùng đất giáp biển và đây cũng là nơi chứa đựng nhiều tín ngưỡng của cư dân miền biển với một hệ thống đền,

miếu thờ các vị thần liên quan đến sông biển để khi ngư dân đi đánh bắt cá hay vận tải biển đều đến đây cầu khẩn xin bình yên, may mắn. Mỗi một vùng đều chứa đựng những nét tín ngưỡng chung lại vừa mang trong mình những nét riêng biệt khá độc đáo. Bên cạnh hệ thống thờ thần, thờ người chết đuối hiển linh là những lễ hội thể hiện tinh thần thượng võ. Đây chính là một yếu tố, một điều kiện để bảo tồn và phát triển tín ngưỡng\_ lễ hội của ngư dân làng chài đồng thời nó cũng là nhân tố phát triển du lịch. Chính vì vậy mà đảng, nhà nước ta nên phối hợp với chính quyền địa phương Cùng tham gia.

Hơn thế nữa tín ngưỡng\_ lễ hội thể hiện ước mơ, nguyện vọng của nhân dân về một mùa bội thu cá, tôm, sự bình an trên biển. Tín ngưỡng\_ lễ hội thể hiện nét đẹp trong đời sống tinh thần của người dân làng chài, trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống của họ. Nếu không có sự quan tâm của các cấp có thẩm quyền thì tín ngưỡng\_ lễ hội lại mang màu sắc đơn điệu, độc lập. Tín ngưỡng\_ lễ hội của làng nào thì làng ấy biết, hoạt động nhỏ bé không có sự gắn kết chặt chẽ giữa các khâu mà chỉ là đơn thuần tái hiện cuộc sống của người ngư dân mà thôi. Mặc khác tín ngưỡng\_ lễ hội lúc này bị bó buộc trong phạm vi làng, chỉ những người dân trong làng biết và am hiểu nó không có sự phát triển mạnh mẽ tác động đến các vùng khác. Nó sẽ không trở thành một sản phẩm của loại hình du lịch tâm linh chính vì vậy mà đòi hỏi đảng, nhà nước các nhà quản lý mà đặc biệt là các công ty, doanh nghiệp du lịch lữ hành đem tín ngưỡng\_ lễ hội nơi đây trở thành một dạng sản phẩm của du lịch tâm linh được nhiều người biết đến, thu hút ngày càng nhiều du khách tham quan và tìm hiểu về tín ngưỡng\_ lễ hội của vùng. Bên cạnh sự quan tâm của các cấp chính quyền thì đòi hỏi mỗi người dân trong vùng cũng cần phải quan tâm hơn nữa những giá trị văn hóa tín ngưỡng. Bởi chính họ là chủ thể trực tiếp duy trì, bảo tồn những giá trị nét đẹp văn hóa của cộng đồng mình.

Trong xu hướng ngày nay khi mà xã hội ngày càng phát triển, đời sống con người ngày càng được nâng cao thì nhu cầu về tâm linh lại càng nhiều, họ thích đi tìm hiểu, nghiên cứu, giải tỏa tâm trạng vì vậy mà rất cần đến sự quan tâm của các

cấp chính quyền các doanh nghiệp lữ hành , trong việc thúc đẩy, mở rộng quảng bá hình ảnh tín ngưỡng \_ lễ hội trở thành một loại hình du lịch văn hóa tâm linh.

### **3.2.2.Quảng bá đưa du lịch đến với lễ hội**

Như chúng ta đã biết rằng du lịch tác động lên lễ hội theo hai chiều hướng khác nhau.Tín ngưỡng \_ lễ hội ra đời không vì mục đích du lịch nhưng lại mang trong mình tính du lịch khá rõ nét. Chính vì vậy mà giữa du lịch và tín ngưỡng \_ lễ hội luôn có mối quan hệ gắn bó, liên kết chặt chẽ, thống nhất với nhau. Hơn thế nữa tín ngưỡng \_ lễ hội đã ăn sâu và trở thành một nhân tố không thể thiếu của người dân, khi du lịch tác động vào tín ngưỡng \_ lễ hội sẽ trở thành cầu nối các tín ngưỡng \_ lễ hội ở mỗi vùng miền lại với nhau nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người.Để đem những giá trị văn hóa đó đến với mọi người thì du lịch lại càng đóng một vai trò quan trọng trong việc quảng bá đưa hình ảnh tín ngưỡng \_ lễ hội rộng khắp trong và ngoài nước thông qua các phương tiện như: báo chí, truyền thông , internet, in ấn các sách báo.Để làm được điều đó thì các công ty du lịch cũng cần có sự hợp tác, liên kết với nhau cùng với chính quyền địa phương trong việc tổ chức lễ hội, xác định các điểm du lịch, hình thành nên các tuyến điểm du lịch đặc sắc, hấp dẫn, xây dựng tour du lịch văn hóa tâm linh.Du lịch xâm nhập vào trong tín ngưỡng \_ lễ hội sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc phục dựng lại các lễ hội truyền thống có nguy cơ bị mai một.Đặc biệt ở Quảng Ninh vừa rồi đã phục dựng thành công lễ hội rước nước ở đình Giang Võ và đưa lễ hội rước nước này vào thể hiện trong cả cacnavan của hạ long.Mặc khác việc phục dựng lễ hội này cũng là yếu tố bổ sung hồ sơ đề nghị tổ chức UNESCO công nhận giá trị văn hóa Vịnh Hạ Long.

### **3.3.Những giải pháp cụ thể phát triển du lịch tại các điểm di tích**

#### **3.3.1.Việc quy hoạch, tôn tạo phải tuân theo nguyên tắc phát triển bền vững**

Du lịch là một hiện tượng kinh tế xã hội phức tạp, nó có ảnh hưởng hai mặt đến đời sống kinh tế, xã hội cho địa phương.Trong khi cung du lịch thường mang

tính cố định khó có thể thay đổi thì cầu du lịch vẫn luôn mang tính thay đổi, không ổn định. Từ đó cho thấy sự phức tạp trong việc đầu tư và phát triển du lịch không chỉ ở cấp độ quốc gia mà còn ở các doanh nghiệp. Chính vì vậy mà trong chiến lược phát triển du lịch của các cấp, chính quyền trung ương, địa phương có thẩm quyền cần phải quan tâm đến công tác xây dựng, quy hoạch phát triển theo nguyên tắc bền vững gắn liền với việc bảo vệ tài nguyên môi trường. Đây là một vấn đề hết sức quan trọng bởi vì phần lớn sự phát triển du lịch phụ thuộc vào các điểm hấp dẫn và các hoạt động có liên quan đến môi trường tự nhiên, các giá trị văn hóa của địa phương. Nếu các tài nguyên nhân văn này xuống cấp hay bị hủy hoại thì các điểm du lịch sẽ không còn thu hút được khách và sự phát triển du lịch sẽ không đạt được kết quả như mong muốn. Quy hoạch du lịch có ý nghĩa quan trọng trong việc giữ gìn và tôn tạo cảnh quan môi trường và các giá trị nhân văn cho địa phương. Việc quy hoạch phải được tiến hành theo hai chiều hướng song song.

*Quy hoạch, tôn tạo tại các điểm di tích*

Việc quy hoạch, tôn tạo này cần phải đảm bảo và chú ý đến môi trường cảnh quan xung quanh di tích, tránh tình trạng xây dựng, mở các di tích mà làm mất đi một phần diện tích khung cảnh tự nhiên xung quanh. Việc xây dựng khu gửi xe cho khách cũng cần chú ý đến cảnh quan chung của di tích và đặc biệt là việc xây dựng các khu nhà hàng, khách sạn cũng cần phải có sự quy hoạch tốt nhằm tránh làm mất đi tính thiêng liêng, khung cảnh thiên nhiên xung quanh di tích. Tất cả các yếu tố của môi trường cần phải được khảo sát, phân tích và cân nhắc để xây dựng. Khi quy hoạch cần phải

đặt trong sự phát triển kinh tế \_ xã hội của mỗi vùng . Đây là một điều kiện rất quan trọng để đảm bảo việc phát triển đúng mục tiêu, định hướng đề ra, đồng thời thực hiện được mục tiêu phát triển du lịch theo hướng bền vững. Đối với các tài nguyên nhân văn thì quy hoạch còn giữ được các giá trị văn hóa và đưa các tài nguyên đó vào phục vụ du lịch một cách có hiệu quả. Ta phải khoanh vùng những khu vực có điểm di tích, nghiên cứu về đặc điểm không gian, vị trí nơi di tích đó tọa lạc từ đó mới có thể đưa ra các dự án đầu tư, tôn tạo từ đó tiến hành khai thác các giá trị văn hóa đó. Chính việc khoanh vùng các di tích với quần thể di tích sẽ đảm bảo việc

khai thác vào du lịch một cách có hiệu quả, tránh tình trạng xâm hại các mục đích khác không làm ảnh hưởng đến cảnh quan của khu vực.

Hơn thế nữa là một vùng đất có nhiều tín ngưỡng\_ lễ hội đây là một nguồn tài nguyên dễ nhạy cảm trước những tác động của con người nếu không có sự quy hoạch tốt sẽ khó tránh khỏi các tác động tiêu cực ảnh hưởng đến những giá trị văn hóa. Như vậy quy hoạch du lịch là một việc làm vô cùng cần thiết và cấp bách đặc biệt với những giá trị tài nguyên nơi đây.

### **3.3.2. Bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa phi vật thể**

Có thể nói, bảo tồn và gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của ngư dân làng chài đã góp phần vào việc quy hoạch và xây dựng loại hình du lịch văn hóa tâm linh. Đồng thời nó cũng góp phần vào việc gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa của Hải Phòng- Quảng Ninh một cách bền vững, góp phần xây dựng, hình thành bản sắc văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Văn hóa phi vật thể, đều là của cộng đồng (gia tộc, làng xã, địa phương), nhưng tiềm ẩn trong trí nhớ và tâm thức của từng con người cụ thể, qua sự tiếp nhận và thể hiện của từng con người, cho nên nó mang dấu ấn cá nhân và vai trò sáng tạo của cá nhân rất rõ rệt. Bởi thế sự sáng tạo, bảo tồn và trao truyền của văn hóa phi vật thể lại phụ thuộc vào cuộc đời của từng cá nhân. Vì vậy, nó vừa mang tính bền chắc (tiềm ẩn trong tâm thức dân tộc) lại vừa mỏng manh dễ bị biến dạng. Cũng chính vì đặc trưng nêu trên, văn hóa phi vật thể không chỉ phụ thuộc từng cá nhân, mà còn phụ thuộc các nhóm xã hội khác nhau. Tính cá nhân và tính nhóm xã hội đã khiến cho văn hóa phi vật thể phong phú và đa dạng hơn nhiều, nói cách khác tính dị bản của nó cao hơn so với văn hóa vật thể.

Vì văn hóa phi vật thể vừa mang tính bền chắc lại vừa mang tính mỏng manh, dễ bị thương tổn. Tuy nhiên, việc sưu tầm, nghiên cứu còn chưa tuân thủ các phương pháp khoa học nghiêm túc và chặt chẽ, do vậy chất lượng công tác sưu tầm và nghiên cứu chưa cao.

Tín ngưỡng- lễ hội ra đời từ quá khứ, vận hành cùng lịch sử cho đến ngày nay, dù ở giai đoạn nào, tín ngưỡng- lễ hội cũng luôn đồng hành và có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống tinh thần của mỗi cộng đồng. Do đó, muốn phát huy ý



nghĩa tích cực của văn hóa phi vật thể (tín ngưỡng- lễ hội )trong xã hội hiện đại thì trước hết, cần quan tâm đến việc bảo tồn các giá trị tín ngưỡng- lễ hội của người ngư dân. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được thì việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trên địa bàn tỉnh Hải Phòng- Quảng Ninh còn có những hạn chế nhất định. Một số giá trị văn hóa truyền thống, nhất là văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, phai nhạt bản sắc hoặc thất truyền; hoạt động văn hóa, lễ hội vẫn chưa đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân; giao lưu văn hóa có phát triển nhưng chưa mạnh; phương tiện, cơ sở vật chất còn thiếu; đầu tư cho công tác bảo tồn những nét văn hóa truyền thống chưa tương xứng; trình độ, năng lực cán bộ làm công tác văn hóa chưa đồng đều,...

Trong giai đoạn hiện nay, để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống các ngành, các cấp, đặc biệt là ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần phải:

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền; phối hợp chặt chẽ với các ngành, các tổ chức đoàn thể chính trị nhằm tạo sức mạnh tổng hợp trong quá trình triển khai thực hiện các phong trào chung . Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống; nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về ý thức giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống.

Mở rộng mối quan tâm và thu hút sự tham gia, hưởng ứng hoạt động văn hóa của các tầng lớp nhân dân; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; phát triển văn hóa, nghệ thuật, thông tin đại chúng; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống;

Tham mưu cấp ủy, chính quyền xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, sát với tình hình, trong đó tập trung vào việc duy trì các tín ngưỡng- lễ hội truyền thống, những phong tục tập quán; trùng tu, tôn tạo, giữ gìn và phát huy các giá trị di tích văn hóa, lịch sử trên địa bàn; tiếp tục đẩy mạnh khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, gìn giữ và phát triển văn hóa; tiếp tục nghiên cứu và thực hiện các đề tài về di sản văn hóa phi vật thể; các giá trị văn hóa phi vật thể và phải được tuyên truyền, phổ biến đến cơ sở; kết hợp phát huy với khai thác giá trị văn hóa - du lịch - tín ngưỡng. Xây dựng cơ chế chính sách nhằm khuyến khích các hoạt động văn hóa, văn nghệ dân gian phát triển, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ, sáng tạo của nhân dân.

Tăng cường xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở; đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa. Xã hội hóa không những huy động nguồn lực trong nhân dân tham gia vào quá trình bảo quản, giữ gìn và truyền bá các giá trị văn hóa đó mà còn phải tạo ra nhiều cơ hội và điều kiện để nhân dân học tập, tìm hiểu và nghiên cứu văn hóa dân gian.

Ngày nay, việc bảo tồn các hiện tượng văn hóa cổ truyền, trong đó có văn hóa phi vật thể, cần được quan tâm nhiều hơn nữa trước nguy cơ bị mất đi nhanh chóng trong sự biến đổi xã hội theo hướng CNH, HĐH. Có nhiều cách bảo tồn, nhưng tóm lại chung quy có hai hướng chủ yếu:

Bảo tồn trong dạng "tĩnh": Tiến hành điều tra, sưu tầm, thu thập các dạng thức văn hóa phi vật thể như nó hiện có theo quy trình khoa học nghiêm túc, chặt chẽ, "giữ" chúng trong sách vở, các ghi chép, mô tả trong các băng hình (vi-đê-ô), băng tiếng (audio), ảnh...

Tất cả các hiện tượng văn hóa phi vật thể này có thể lưu giữ trong các kho lưu trữ, các viện bảo tàng, các viện nghiên cứu ở trung ương và địa phương. Đó là "phiên bản" giúp chúng ta sau này căn cứ vào đó có thể nghiên cứu, phục hồi các hiện tượng đã bị mai một. Mà đặc biệt ở Quảng Ninh đã phục dựng thành công lễ hội rước nước đình Giang Võ.

Bảo tồn "động": Là bảo tồn các hiện tượng văn hóa phi vật thể đó ngay trong đời sống cộng đồng. Cộng đồng chính là môi trường không chỉ sản sinh ra các hiện tượng văn hóa phi vật thể, mà còn là nơi tốt nhất bảo tồn, làm giàu và phát huy nó trong đời sống xã hội.

bảo tồn và phát huy các giá trị tín ngưỡng- lễ hội sẽ góp phần củng cố tình đoàn kết cộng đồng, thể hiện ý chí và quyết tâm của nhân dân trong tình phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

### **3.3.3. Phối hợp với chính quyền địa phương quản lý, đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên.**

Cũng như tài nguyên tự nhiên thì tài nguyên du lịch nhân văn cũng do nhiều ban ngành quản lý như: phòng văn hóa các xã, phòng, ban. Do đó cần

có sự thống nhất phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các cấp các ngành trên địa bàn xã có các điểm di tích để thực hiện tốt chức năng quản lý góp phần ngăn ngừa những yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức nếp sống lành mạnh của người dân địa phương. Nhà nước, thành phố đang đẩy mạnh chính sách khuyến khích cộng đồng dân cư, khối dân cư tham gia vào quá trình quản lý phát triển tài nguyên du lịch. Đặc biệt là các điểm di tích gắn liền với tâm linh. Tín ngưỡng \_ lễ hội cần phải được những người dân tham gia vào ban quản lý bởi đây là những điều gắn với cuộc sống tâm linh của họ. Đối với các điểm di tích khác cũng cần thành lập ban quản lý riêng, những người trong ban quản lý trước hết sẽ có nhiệm vụ trông coi, chăm sóc các di tích. Nếu đưa vào hoạt động du lịch thì đây sẽ là nơi du khách hoặc người hướng dẫn vào đăng ký tham quan. Ban quản lý sẽ có trách nhiệm vào thông báo, hướng dẫn cho khách những nội quy hoặc những điều cần lưu ý khi tham quan các di tích đó. Nếu có thu vé thăm quan thì ban quản lý có thể thu tiền để một phần trang trải cho các hoạt động trong ban một phần sẽ được đưa vào quỹ trùng tu, tôn tạo di tích khi cần thiết. Một điều cũng cần phải lưu ý là ban quản lý cũng phải tuân thủ theo phong văn hóa của của địa phương.

*Đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên và giáo dục nhận thức về giá trị các tài nguyên*

Đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên đang là một vấn đề được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, quyết định sự phát triển du lịch bền vững bởi ngành du lịch là ngành phụ thuộc nhiều hơn vào yếu tố con người so với các ngành kinh tế khác. Việc đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên theo hai hướng. Hướng dẫn viên điểm và hướng dẫn viên tuyến. Mở các lớp đào tạo, nâng cấp bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp theo từng thời hạn hoặc các lớp đào tạo lâu hơn. Có thể mời các chuyên viên giỏi về hướng dẫn, giảng dạy, tăng cường số tiết thực hành. Khuyến khích con em người dân làng chài tham gia vào đội ngũ hướng dẫn viên vì họ là những người sinh ra và lớn lên ở vùng sông nước, họ nắm bắt rõ nét nhất những giá trị văn hóa đó. Việc phát

triển du lịch đòi hỏi toàn dân phải tham gia chứ không chỉ những người trực tiếp tham gia phục vụ khách du lịch mới là làm du lịch. Khách du lịch có cảm nhận được hết những giá trị văn hóa không là nhờ vào sự hướng dẫn, truyền đạt của người hướng dẫn viên chính vì vậy đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên là một trong những định hướng quan trọng để góp phần phát triển loại hình du lịch này.

### **3.3.4. Đẩy mạnh công tác quản lý và tăng cường đầu tư vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng**

Cơ sở vật chất kỹ thuật đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo ra và thực hiện sản phẩm du lịch cũng như quyết định mức độ khai thác tiềm năng du lịch nhằm thoả mãn nhu cầu của khách du lịch. Chính vì vậy nên sự phát triển của ngành du lịch bao giờ cũng gắn liền với việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật.

Du lịch là ngành “sản xuất” nhiều và đa dạng về thể loại dịch vụ, hàng hoá nhằm thoả mãn nhu cầu của khách du lịch. Do vậy cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch gồm nhiều thành phần khác nhau. Việc tiêu dùng dịch vụ, hàng hoá du lịch đòi hỏi phải có một hệ thống các cơ sở, công trình đặc biệt... Tài nguyên du lịch chiếm vị trí đặc biệt quan trọng trong tiêu dùng của khách du lịch. Việc sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên du lịch đòi hỏi phải xây dựng một hệ thống các công trình. Căn cứ vào các đặc điểm trên có thể hiểu cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm toàn bộ các phương tiện vật chất tham gia vào việc tạo ra và thực hiện dịch vụ hàng hoá du lịch nhằm đóng góp mọi nhu cầu của khách du lịch.

Sự kết hợp hài hoà giữa tài nguyên du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch giúp cho cơ sở phục vụ du lịch có hiệu quả, kéo dài thời gian sử dụng chúng trong năm. Sự phụ thuộc của cơ sở vật chất kỹ thuật vào tài nguyên du lịch không chỉ diễn ra theo một chiều, mà về phía mình các công trình, cơ sở phục vụ du lịch cũng có tác động nhất định tới mức độ sử dụng tài nguyên du lịch và việc gìn giữ bảo vệ chúng. Du lịch gắn với việc di chuyển con người trên phạm vi nhất định. Điều này phụ thuộc chặt chẽ vào giao thông vận tải. . Thông qua mạng lưới giao thông

thuận tiện, nhanh chóng du lịch mới trở thành một hiện tượng phổ biến trong xã hội. Chính vì vậy cần phải nâng cấp các tuyến đường. Để khuyến khích hoạt động du lịch, thu hút được nhiều khách du lịch trong nước và quốc tế phải tăng cường đầu tư kinh doanh du lịch, xây dựng cơ sở hạ tầng.

Thứ nhất là phải có cơ chế quản lý chính sách mềm mỏng, ưu tiên cho các doanh nghiệp và nhân dân đầu tư làm kinh doanh du lịch

Hai là :các cơ sở ưu đãi về đất đai như cấp đất, mặt bằng cho các doanh nghiệp du lịch

Ba là: phải cấp điện, nước sạch, xây dựng cơ sở du lịch tại các địa phương có di tích.

### **3.3.5. Tuyên truyền, quảng bá loại hình du lịch tín ngưỡng- lễ hội**

Công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch loại hình du lịch tín ngưỡng- lễ hội là hoạt động cung cấp, truyền đạt thông tin tới du khách, giúp họ biết đến các điểm du lịch, sản phẩm dịch vụ du lịch và lên kế hoạch tham gia các chương trình du lịch, trong hành trình tìm hiểu khám phá những điều khác lạ.

Thông tin là chiếc cầu nối giữa điểm du lịch với du khách, là công cụ tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến hữu hiệu nhằm làm hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và khách du lịch. Các doanh nghiệp lữ hành có thể quảng bá loại hình du lịch văn hóa tâm linh bằng nhiều cách khác nhau như: in các sách, báo, video về các tín ngưỡng, lễ hội của ngư dân làng chài, thông qua mạng internet, các phương tiện truyền thông đại chúng, các ấn phẩm hay tiến hành xây dựng các tour du lịch, chương trình du lịch rồi cho nhân viên đi quảng bá tìm hiểu thị trường. Nhằm đưa loại hình du lịch văn hóa tâm linh đến mọi du khách

Với những lợi ích trên, có thể khẳng định việc đưa các thông tin về tín ngưỡng- lễ hội cho du khách chiếm một vị trí, vai trò quan trọng trong hoạt động du lịch nói chung, trong công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch nói riêng. Việc ngành Du lịch có một hệ thống thông tin hoàn thiện với một cơ sở dữ liệu đa dạng phong phú cùng nhiều kênh thông tin khác nhau để cung cấp các thông tin một cách đầy đủ

chính xác, kịp thời đáp ứng nhu cầu thông tin du lịch văn hóa tâm linh cho du khách, đó chính là mục tiêu hướng tới của hoạt động tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến du lịch của Hải Phòng- Quảng Ninh.

### **3.3.6. Kết hợp loại hình du lịch tín ngưỡng- lễ hội với các loại hình du lịch khác**

Hải Phòng và Quảng Ninh là hai vùng có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, bên cạnh loại hình du lịch văn hóa tâm linh thì Hải Phòng, Quảng Ninh còn có mặt mạnh về phát triển du lịch biển, du lịch thăm quan, nghỉ dưỡng, và đặc biệt là Một số loại hình du lịch mới được hình thành thu hút khách du lịch là người nước ngoài như du lịch cộng đồng, mạo hiểm với các hình thức leo núi, lặn biển, khám phá Khu dự trữ sinh quyển quần đảo Cát Bà.

Trên đảo Cát Bà, khách du lịch có thể đến các điểm tham quan truyền thống như Vịnh Lan Hạ, Vườn Quốc Gia, bãi tắm Cát Cò, khu Sunrise Resort Cát Cò 3, các hang động như hang Quân Y, động Trung Trang, động Hoa Cương (xã Gia Luận), hang Thiên Long, và rừng ngập mặn ở xã Phù Long...

Hình thành nên loại hình du lịch homestay ở Cát Hải\_ Cát Bà, đưa du khách đến ở và tìm hiểu cuộc sống của người ngư dân làng chài như cho họ trực tiếp tham gia vào các công việc phơi cá, làm muối... hoặc tham gia tìm hiểu đời sống của người dân làng chài Cửa Vạn trên Vịnh Hạ Long...

Một đặc điểm ta thấy các lễ hội chỉ diễn ra trong một khoảng thời gian nhất định chính vì vậy để khắc phục tính mùa vụ trong lễ hội cần phải có sự kết hợp giữa loại hình du lịch văn hóa tâm linh với các loại hình du lịch khác như:

-Du lịch biển

- Du lịch sinh thái biển kết hợp nghỉ dưỡng, thể thao, hội thảo - hội nghị - hội chợ và du lịch mạo hiểm;

- Du lịch thăm các di tích lịch sử, văn hoá, khảo cứu văn hoá truyền thống, đặc thù địa phương;

- Du lịch điền dã, khảo cứu văn hoá làng xã, thưởng ngoạn miệt vườn ven sông.

- Du lịch văn hoá ẩm thực, mua sắm.

Sự kết hợp các loại hình du lịch trên không những khắc phục được tính mùa vụ trong du lịch mà còn tạo ra những sản phẩm, những tour du lịch độc đáo và hấp dẫn, thu hút ngày càng nhiều khách du lịch trong và ngoài nước.

### **3.4. Đề xuất khả năng liên kết du lịch Hải Phòng- Quảng Ninh**

Phải nhìn nhận một cách thẳng thắn rằng, so với tiềm năng và thế mạnh nổi trội của mình, du lịch Hải Phòng và Quảng Ninh chưa thật phát triển tương xứng và chưa phát huy được vai trò động lực của mình trong vùng du lịch duyên hải Bắc Bộ. Lượng khách quốc tế đến hai địa phương, đặc biệt là Hải Phòng còn thấp. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch du lịch còn nhiều hạn chế nên nhiều điểm du lịch đẹp bị đầu tư manh mún, chắp vá, phá vỡ không gian, cảnh quan chung; kết cấu hạ tầng và hạ tầng du lịch chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; sản phẩm du lịch thiếu đa dạng, nhiều tiềm năng du lịch chưa được khai thác, phát huy hoặc chưa được nhìn nhận ra. Tính liên kết trong phát triển du lịch Hải Phòng với Quảng Ninh cũng như với các địa phương khác trong vùng duyên hải Bắc Bộ và vùng đồng bằng Bắc Bộ còn hạn chế. Hoạt động quảng bá điểm đến chưa chuyên nghiệp và chưa được đẩy mạnh ở nước ngoài. ứng dụng công nghệ thông tin trong quảng bá du lịch của hai địa phương còn ít; chất lượng nguồn nhân lực du lịch còn thấp và thiếu chuyên nghiệp. Môi trường du lịch ở nhiều nơi bị suy giảm, trật tự, vệ sinh ở nhiều điểm du lịch còn nhiều hạn chế, tình trạng quá tải khách vào mùa cao điểm, lễ hội đang đặt ra nhiều hệ lụy về tính bền vững trong phát triển du lịch của cả hai địa phương.

Hải Phòng – Quảng Ninh có một vị trí hết sức quan trọng trong bản đồ du lịch của cả nước, đây là cửa ngõ phía đông bắc nước ta, là nơi đón những luồng khách thông qua cửa khẩu quốc tế Móng Cái và các cảng biển lớn. Chính vì vậy tăng cường liên kết giữa hai địa phương sẽ mở ra nhiều cơ hội và điều kiện phát triển. mối liên kết để đưa du lịch hai địa phương lên tầm cao mới. Đó là:

*quy hoạch các điểm du lịch*

hai địa phương cần liên kết trao đổi kinh nghiệm trong công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, trong đó tập trung hoàn thiện quy hoạch phát triển du lịch của 2 địa phương trên cơ sở trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau và thực hiện quy hoạch chung đối với những vùng giáp ranh như Cát Bà-Hạ Long khu vực sông Bạch Đằng. Hải Phòng- Quảng Ninh cần rút ra những kinh nghiệm từ quy hoạch du lịch của các địa phương cũng như chính mình để tìm ra hướng phát triển du lịch tối ưu, phù hợp với nguyên tắc phát triển du lịch bền vững. Quan điểm liên kết, hợp tác cùng phát triển, cần phải triển khai các hoạt động cụ thể.

Du lịch thành phố nên khảo sát, lập quy hoạch, các đề án đầu tư, khôi phục di tích lịch sử Bạch Đằng, khảo sát đảo Cát Hải (Hải Phòng), làng chài cửa Vạn(Quảng Ninh) để hình thành các điểm du lịch nghỉ tại nhà dân để du khách có thể tìm hiểu về tín ngưỡng- lễ hội của cư dân làng chài, cũng như du khách được tham gia trải nghiệm cuộc sống của cư dân như tham gia làm muối, đánh cá...

*liên kết phát triển kết cấu hạ tầng giao thông*

Hai địa phương cần liên kết phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ đầu tư, nâng cấp, mở rộng tuyến đường huyết mạch, đặc biệt là tuyến nối Hải Phòng- Quảng Ninh cũng như các tuyến đường tới các điểm du lịch của địa phương như tuyến Hải Phòng -Đồ Sơn, hay hợp tác khai thác tuyến du lịch đường biển Hạ Long- Hải Phòng, Hạ Long -Cát Bà- Đồ Sơn.

*Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch*

Để phát triển du lịch liên vùng hai địa phương nên có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp lĩnh vực xây dựng các tua du lịch mới nhằm lôi kéo khách du lịch tới.Hải Phòng- Quảng Ninh nên phối hợp với các hãng lĩnh vực xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo, đặc sắc để chào bán trong bối cảnh cạnh tranh cho ngành du lịch hai địa phương. Có như vậy mới thu hút được khách đến lâu dài.

*Chú trọng liên kết quản lý, đào tạo nguồn nhân lực*

Hai địa phương này cần phải cùng thống nhất trong việc tổ chức, quản lý các lễ hội đào tạo nguồn nhân lực như hướng dẫn viên theo toàn tuyến Hải Phòng- Quảng Ninh, hướng dẫn viên ở từng điểm.cùng mở các lớp đào tạo chung cho đội ngũ



hướng dẫn viên tìm hiểu, nắm bắt các điểm du lịch chung cũng như các điểm du lịch của từng vùng. Đào tạo đội ngũ các cán bộ quản lý, và cần phải phân công trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận.

Ngoài ra để tạo điều kiện cho du khách có thể thăm quan một cách thuận tiện thì cần phải hiện đại hóa các thiết bị kiểm tra, làm thủ tục tại các cửa khẩu cảng biển và cửa khẩu quốc tế Móng Cái, tạo điều kiện cho khách Trung Quốc và khách nước thứ ba vào Quảng Ninh và Hải Phòng.

Sự liên kết hợp tác giữa du lịch Hải Phòng- Quảng Ninh sẽ thúc đẩy sự phát triển du lịch của cả hai vùng không những thế nó còn tạo ra sản phẩm du lịch độc đáo tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

### **3.5. Tiểu kết chương 3**

Du lịch văn hóa tâm linh là một loại hình du lịch khá độc đáo, Hải Phòng- Quảng Ninh là hai vùng giáp biển, người ngư dân ven biển đã sớm có một hệ thống tín ngưỡng- lễ hội phong phú và đa dạng. Tuy nhiên việc khác thác các tín ngưỡng này còn chưa tiệm xúng với tiềm năng của vùng, chưa được chú trọng và phát triển mạnh. Chính vì vậy mà việc đề ra các giải pháp phát triển loại hình du lịch này là hết sức cần thiết, đặc biệt tạo khả năng liên kết du lịch giữa Hải Phòng- Quảng Ninh là vô cùng quan trọng. Nó tạo ra sự liên kết hình thành các tuyến điểm du lịch, cùng thu hút khách du lịch đem lại lợi nhuận cho cả hai vùng. Du lịch văn hóa tâm linh sẽ thực sự giúp khách tiếp cận thật sự tâm linh và linh hồn Việt Nam.

## KẾT LUẬN

Tín ngưỡng- lễ hội của cư dân làng chài Hải Phòng- Quảng Ninh đã được hình thành từ lâu đời thông qua một loạt các hệ thống đền, miếu, các nghi thức lễ, các vật hiến tế các lễ hội dân gian mang đậm yếu tố tín ngưỡng của vùng biển. Chính những tín ngưỡng- lễ hội này đã thể hiện đời sống văn hóa tinh thần trong cuộc sống, lao động, sản xuất... góp phần giữ gìn đạo đức con người, ổn định trật tự xã hội. Thông qua đó mà tín ngưỡng- lễ hội đã tô đượm cho văn hóa dân tộc nhiều màu sắc, đồng thời cũng là nơi lưu giữ văn hóa truyền thống làm cho văn hóa dân tộc có sức sống trường tồn. Chính vì những yếu tố trên mà tín ngưỡng- lễ hội trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống ngư dân.

Không những thế mà ngày nay khi cuộc sống ngày càng được nâng cao, xã hội hiện đại thì việc tìm hiểu, tham gia vào các hoạt động lễ hội, tín ngưỡng lại thu hút rất đông đảo du khách tham gia. Cho nên việc thúc đẩy du lịch tín ngưỡng- lễ hội không chỉ đáp ứng nhu cầu của người ngư dân mà còn đáp ứng được nhu cầu của du khách. Hiểu được các giá trị ấy và thấy được tiềm năng cũng như thực trạng khai thác tín ngưỡng- lễ hội phục vụ cho du lịch để có những biện pháp tốt nhất nhằm khai thác bền vững các giá trị này, đề ra những chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình phát triển kinh tế du lịch của địa phương. Xây dựng và đề ra các kế hoạch cụ thể, liên kết du lịch Hải Phòng- Quảng Ninh trong xu hướng hợp tác, phát triển cùng có lợi. Có như vậy mới thúc đẩy du lịch của vùng phát triển, đem hiệu quả kinh tế cho địa phương cũng như xã hội. Tạo ra sự phát triển bền vững và lâu dài.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cơ sở văn hóa du lịch , Trần Ngọc Thêm
2. Đồ Sơn thắng cảnh và du lịch, Đình Kính\_Lưu Văn Khuê (NXB Hải Phòng 1997)
3. Địa chí thị xã Đồ Sơn (thị ủy HĐND-UBND thị xã Đồ Sơn, trung tâm KHXH và nhân văn Hải Phòng\_NXB Hải Phòng 2003)
4. giới thiệu các điểm du lịch Hải Phòng (NXB Thông Tấn)
5. Hội chợ trâu Đồ Sơn (phụ trương báo Hải Phòng 9/1994)
6. lễ hội truyền thống tiêu biểu hải phòng\_Trịnh Minh Hiên, NXB Hải Phòng)
7. Nhập môn khoa học du lịch (NXB đại học Quốc Gia Hà Nội 1999)
8. Pháp lệnh du lịch việt nam 1999
9. Quy hoạch du lịch, Bùi Thị Hải Yến,( NXB giáo dục 2006)
10. Tìm hiểu một số tín ngưỡng truyền thống Việt Nam, (NXB văn hóa thông tin 2005)

<http://www.quangninh.gov.vn>

<http://www.baoquangninh.vn>

[www.haiphongtourist.com.vn](http://www.haiphongtourist.com.vn)

[www.doson.gov.vn](http://www.doson.gov.vn)

báo du lịch

báo văn hóa